



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

15

Tháng 8 - 2016

HỘI NGHỊ CÔNG BỐ “ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050”

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2016



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn trao Hồ sơ quy hoạch cho đại diện các tỉnh trong Vùng Thủ đô



Toàn cảnh Hội nghị

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BẢY

15

SỐ 15 - 8/2016



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Chính phủ ban hành Nghị định quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư, kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản 5
- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình đến năm 2030 6
- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016 - 2025 7

Văn bản của địa phương

- Tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định quy định cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh 9
- Tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định quy định trình tự đăng ký và lựa chọn chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh 10
- Thành phố Hải Phòng ban hành quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị chung thành phố 12

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN

(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẬN

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

ThS. PHẠM KHÁNH LY

CN. TRẦN ĐÌNH HÀ

CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài Đánh giá hiện trạng công nghệ sản xuất, bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất tấm lợp amiang xi măng 15
- Hội nghị thẩm định Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng trị 16
- Công nghệ “Smart House” và những công trình nhà thấp tầng sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả 17
- LB Nga: Triển khai công nghệ xây dựng sử dụng chất thải phá dỡ nhà và công trình tại Tatarstan 21
- Ứng dụng cơ sở dữ liệu không gian trong quản lý đô thị ở Trung Quốc 25
- Vật liệu composite - triển vọng ứng dụng trong ngành xây dựng Nga 28
- Mối quan hệ giữa thiết kế cảnh quan và quy hoạch đường đô thị 30

Thông tin

- Hội thảo Tham vấn Báo cáo cuối kỳ xây dựng Chiến lược Phát triển đô thị quốc gia 32
- Hội nghị công bố Quy hoạch xây dựng vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn đến năm 2030 34
- Hội nghị công bố “Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050” 36
- Phân tích một số sai lầm cơ bản trong quy hoạch đô thị của các nước châu Âu thế kỷ XX 39
- Trung Quốc thúc đẩy phát triển xây dựng xanh 41
- Kinh nghiệm thúc đẩy xây dựng đô thị thấp carbon của Nhật Bản 43
- Các nước phát triển xử lý tình trạng “rác thải bao vây đô thị” như thế nào? 46

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Chính phủ ban hành Nghị định quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư, kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản

Ngày 01 tháng 7 năm 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 79/2016/NĐ-CP quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư, kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản.

Quyết định này áp dụng cho các đối tượng là tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư, kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản;

Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư bao gồm: Là tổ chức được thành lập và hoạt động tại Việt Nam; có chức năng giáo dục nghề nghiệp hoặc đào tạo cao đẳng, đại học hoặc đào tạo sau đại học theo quy định của pháp luật; có cơ sở vật chất, phòng học bảo đảm đủ chỗ ngồi cho học viên và có địa điểm để học viên thực hành về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư; có giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy phù hợp với chương trình khung đào tạo bồi dưỡng do Bộ Xây dựng ban hành; có tối thiểu 40% số giảng viên trong biên chế hoặc có hợp đồng không xác định thời hạn (có đóng bảo hiểm) trên tổng số giảng viên đăng ký tham gia giảng dạy phù hợp với chương trình khung đào tạo bồi dưỡng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng; được Bộ Xây dựng hoặc các cơ quan

được Bộ Xây dựng ủy quyền công nhận đủ điều kiện đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư.

Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản bao gồm: Là tổ chức được thành lập và hoạt động tại Việt Nam; có chức năng giáo dục nghề nghiệp hoặc đào tạo cao đẳng, đại học hoặc đào tạo sau đại học theo quy định của pháp luật; có cơ sở vật chất, phòng học bảo đảm đủ chỗ ngồi cho học viên và có địa điểm để học viên thực hành về kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; có giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy phù hợp với chương trình khung đào tạo bồi dưỡng do Bộ Xây dựng ban hành; có tối thiểu 30% số giảng viên trong biên chế hoặc có hợp đồng không xác định thời hạn (có đóng bảo hiểm).

Bộ Xây dựng có quyền hạn và trách nhiệm bao gồm quy định cụ thể trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận cơ sở đào tạo, số lượng và yêu cầu đối với giảng viên tham gia giảng dạy kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư; quy định số lượng và yêu cầu đối với giảng viên tham gia giảng dạy kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; quy định cụ thể chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư; chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều

hành sản giao dịch bất động sản; quy định cụ thể việc tổ chức đào tạo, quản lý hoạt động đào tạo bồi dưỡng và việc cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền các cơ sở đào tạo bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận

hành nhà chung cư, kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sản giao dịch bất động sản.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình đến năm 2030

Ngày 01 tháng 8 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1528/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình đến năm 2030.

Khu DLQG Hồ Hòa Bình thuộc địa bàn thành phố Hòa Bình (xã Thái Thịnh và các phường Thái Bình, Phương Lâm, Tân Thịnh) và 4 huyện Đà Bắc, Cao Phong, Tân Lạc và Mai Châu.

Quan điểm du lịch phải đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hồ Hòa Bình, nhà máy thủy điện Hòa Bình, phù hợp với điều kiện môi trường sinh thái, bảo đảm an ninh quốc phòng, ứng phó với biến đổi khí hậu; khai thác lợi thế nước mặt hồ, cảnh quan, hệ sinh thái, văn hóa Mường; tăng cường liên kết với các khu, điểm du lịch quốc gia khác trong vùng Trung du miền núi Bắc Bộ.

Các định hướng phát triển chủ yếu:

Phát triển thị trường khách du lịch: khai thác thị trường khách nội địa đến từ thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc, vùng Trung du miền núi Bắc Bộ; củng cố thị trường khách du lịch quốc tế truyền thống gồm Pháp, Hàn Quốc, Nhật Bản; thu hút thị trường khách từ các nước Tây Âu khác, Bắc Mỹ, Đông Nam Á, Nga và các quốc gia Đông Âu khác.

Phát triển các sản phẩm du lịch gồm du lịch

sinh thái, du lịch lịch sử - văn hóa, các hoạt động thể thao, vui chơi giải trí nước, thể thao mạo hiểm gắn với địa hình xe đạp, mô tô và ô tô địa hình..., du lịch thương mại, công vụ, du lịch tìm hiểu khám phá thiên nhiên, du lịch gắn với các sự kiện, lễ hội văn hóa truyền thống

Huy động vốn hỗ trợ đầu tư từ ngân sách Nhà nước, vốn ODA, vốn FDI, vốn từ các tổ chức, doanh nghiệp, thành phần kinh tế trong nước.

Về quy hoạch, tổ chức lập quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng và các dự án thành phần của Khu DLQG, ban hành Quy chế quản lý Khu DLQG Hồ Hòa Bình; thành lập Ban quản lý Khu DLQG Hồ Hòa Bình để thực hiện quản lý đầu tư xây dựng.

Bổ sung, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách phát triển du lịch; nghiên cứu và đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù, ưu đãi cho Khu DLQG Hồ Hòa Bình. Về giải pháp đầu tư, cần đầu tư theo danh mục các dự án ưu tiên đầu tư; các chính sách ưu đãi nhằm thu hút các nhà đầu tư tham gia phát triển Khu DLQG Hồ Hòa Bình. Về phát triển nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, triển khai các chương trình đào tạo nghiệp vụ và giáo dục cộng đồng; triển khai các chính sách thu hút nhân lực có trình độ tay nghề cao, chuyên nghiệp.

Giải pháp phát triển sản phẩm du lịch:

Phát triển các sản phẩm đặc trưng gắn với hệ sinh thái hồ và các hoạt động vui chơi giải trí trên mặt hồ; khai thác bản sắc văn hóa đồng bào các dân tộc thiểu số, quảng bá giới thiệu, tiêu thụ các sản phẩm nông sản đặc trưng của tỉnh và các vùng phụ cận; mở rộng và phát triển các loại hình dịch vụ ẩm thực, các món ăn truyền thống dân tộc, các đặc sản tự nhiên khu vực.

Giải pháp phát triển thị trường du lịch: Xây dựng, quảng bá các chương trình du lịch phù hợp với điều kiện thời tiết, khí hậu của vùng để khắc phục tính thời vụ của Khu DLQG Hồ Hòa Bình; nghiên cứu, tìm hiểu thị trường để nắm bắt đặc điểm, nhu cầu, thị hiếu của từng đối tượng khách du lịch, gắn công tác xúc tiến, quảng bá với việc phát triển thị trường.

Giải pháp liên kết, hợp tác phát triển: Đẩy mạnh liên kết hợp tác phát triển giữa Khu DLQG Hồ Hòa Bình với các địa phương lân cận: Với thủ đô Hà Nội, liên kết trong các lĩnh vực như trao đổi kinh nghiệm quản lý phát triển khu du lịch, đào tạo, nâng cấp chất lượng nhân lực và giáo dục cộng đồng, tiếp thị và khai thác thị trường khách quốc tế, mở rộng tuyến xe buýt kết nối Hà Nội - thành phố Hòa Bình - Ngòi Hoa. Với các tỉnh trong vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, liên kết với các Khu DLQG khác trong vùng như Mộc Châu, Điện Biên Phủ - Pá Khoang, hình thành các tuyến du lịch dọc sông Đà kết nối các hồ thủy điện Hòa Bình, Sơn La và Lai Châu. Phối hợp liên ngành, liên vùng để giải quyết những vấn đề như quản lý sử dụng

đất, khai thác tài nguyên, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, xúc tiến quảng bá du lịch...

Giải pháp bảo tồn và phát triển tài nguyên du lịch nhân văn: Quảng bá tuyên truyền cho các bảo tàng văn hóa Mường, hỗ trợ gìn giữ văn hóa nghệ thuật dân tộc Mường; tuyên truyền về lễ hội dân gian; xây dựng hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận Mo Mường là di sản văn hóa phi vật thể thế giới.

Giải pháp bảo vệ tài nguyên môi trường, ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai: Công khai các chỉ tiêu, quy định về bảo vệ môi trường đối với các phương tiện vận chuyển khách du lịch trên hồ; tuyên truyền, giáo dục người dân, khách du lịch nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; triển khai ứng dụng khoa học công nghệ và sản phẩm sạch trong hoạt động kinh doanh du lịch.

Giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh quốc phòng: Thực hiện các biện pháp an toàn tuyệt đối cho công trình thủy điện Hòa Bình và an ninh, an toàn cho du khách; nâng cao nhận thức của các nhà quản lý, các doanh nghiệp du lịch và cộng đồng tham gia hoạt động du lịch ở Khu DLQG Hồ Hòa Bình về sự cần thiết tăng cường mối quan hệ giữa phát triển du lịch với đảm bảo an ninh quốc phòng; bảo đảm nguyên tắc phát triển kinh tế gắn với an ninh quốc phòng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016 - 2025

Ngày 09 tháng 8 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1566/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016 - 2025.

Mục tiêu tổng quát của việc cấp nước an toàn nhằm quản lý rủi ro và khắc phục sự cố có thể xảy ra từ nguồn nước, cơ sở xử lý nước và hệ thống truyền dẫn, phân phối nước đến khách

hàng sử dụng; bảo đảm cung cấp nước liên tục, đủ lượng nước, đủ áp lực, chất lượng nước.

Mục tiêu cụ thể cho giai đoạn đến năm 2020, tỷ lệ dân cư được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 90% - 95%; tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực đô thị được lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 45%; giảm thiểu lượng nước thải sinh hoạt đô thị chưa qua xử lý trước khi xả ra môi trường xuống còn 80 - 85%; giảm thiểu 20% bệnh tiêu chảy liên quan tới nước ăn uống; 100% các tỉnh, thành phố lập Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn cấp tỉnh.

Chương trình này được triển khai thực hiện tại các đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; áp dụng cho các hệ thống cấp nước tập trung.

Các nhiệm vụ chủ yếu của Chương trình:

Xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách về bảo đảm cấp nước an toàn: Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL như Nghị định số 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; xây dựng quy định về cấp chứng nhận cho hệ thống cấp nước bảo đảm cấp nước an toàn gồm tiêu chí đánh giá, tổ chức đánh giá, giám sát, kiểm tra, cấp chứng nhận và quy trình tổ chức thực hiện việc cấp chứng nhận. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật như ban hành quy chuẩn kỹ thuật về vật tư, vật liệu và thiết bị sử dụng cho công trình cấp nước, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước.

Quản lý khai thác sử dụng và bảo vệ nguồn nước: Lập hành lang bảo vệ nguồn nước, xây dựng phương án bảo vệ, cải tạo chất lượng nguồn nước; nghiên cứu giải pháp lưu trữ và sử dụng nguồn nước mưa; kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm ảnh hưởng đến nguồn nước; xử lý nghiêm các vi phạm về xả thải, gây ô nhiễm nguồn nước, khai thác, sử dụng nguồn nước trái phép.

Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn và đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống cấp nước: Xác định nhu cầu và lập kế hoạch đầu tư, cải

tạo hệ thống cấp nước; đầu tư, cải tiến quy trình công nghệ xử lý nước hiện đại, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng và thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu; đầu tư thiết bị tiết kiệm năng lượng cho các trạm bơm nước thô, nước sạch, thiết bị kiểm soát chất lượng nước.

Ứng dụng công nghệ thông tin bảo đảm cấp nước an toàn: Ứng dụng công nghệ, thiết bị thông minh trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước; thiết lập hệ thống CSDL, thông tin theo dõi, giám sát và đánh giá cấp nước an toàn;

Nâng cao năng lực về cấp nước an toàn: Đối với cơ quan quản lý nhà nước cần đào tạo, tăng cường năng lực cho cán bộ trực tiếp quản lý lĩnh vực cấp nước từ trung ương đến địa phương trong việc thực hiện cấp nước an toàn, kiểm soát chất lượng nước, thực hiện thỏa thuận dịch vụ cấp nước trên địa bàn. Đối với các viện nghiên cứu, các trường đào tạo, trung tâm y tế dự phòng cần biên soạn tài liệu đào tạo, nâng cao năng lực về cấp nước an toàn, đầu tư trang thiết bị xét nghiệm chất lượng nước cho các trung tâm y tế dự phòng, viện nghiên cứu, đơn vị cấp nước các tỉnh, thành phố. Đối với đơn vị cấp nước có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, tổ chức các hội thảo, hội nghị hướng dẫn, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm thực hiện cấp nước an toàn.

Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện cấp nước an toàn: Xây dựng bộ chỉ số kiểm tra, giám sát và đánh giá việc kiểm soát rủi ro hệ thống cấp nước (các chỉ số liên quan đến kiểm soát rủi ro, chất lượng nước, chất lượng dịch vụ cấp nước như áp lực, tính liên tục...).

Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng: Xây dựng kế hoạch truyền thông về bảo đảm cấp nước an toàn và triển khai thực hiện thông qua các hình thức khác nhau nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng đối với sử dụng tài nguyên nước.

Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế qua việc trao đổi và hợp tác kỹ thuật với các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ; tiếp nhận hỗ trợ

kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và đào tạo trong hoạt động cấp nước, cấp nước an toàn.

Kinh phí thực hiện chương trình từ các nguồn gồm kinh phí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành để thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương và các ban, ngành của địa phương; nguồn của đơn vị cấp nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị tư vấn cấp nước các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sử dụng nguồn kinh phí của đơn vị mình để thực hiện các nhiệm vụ về bảo đảm cấp nước an toàn; các nguồn huy động được ngoài ngân sách nhằm triển khai

các hoạt động cấp nước an toàn như hỗ trợ nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách, thông tin truyền thông, đầu tư, tăng cường năng lực cấp nước an toàn, đào tạo đội ngũ chuyên gia, cán bộ các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, nâng cao trình độ quản lý, đầu tư, cải tạo hệ thống cấp nước và trang thiết bị cấp nước an toàn...

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định quy định cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh

Ngày 09 tháng 5 năm 2016, UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND quy định cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài là chủ đầu tư xây dựng công trình, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Nguyên tắc trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014. Chủ đầu tư xây dựng công trình được miễn cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại các điểm b, d, đ và i Khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 có trách nhiệm gửi thông báo thời điểm khởi công xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đến UBND các huyện, thành phố hoặc Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh (đối với công trình xây dựng thuộc phạm vi khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu để theo dõi, lưu trữ hồ sơ.

Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng cấp I, cấp II; công trình tôn giáo, tín ngưỡng; công trình di tích lịch sử - văn hóa; công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã được xếp hạng; công trình quảng cáo; công trình xây dựng và nhà ở riêng lẻ trên các trục đường (kể cả công trình, nhà ở xây dựng có thời hạn) thuộc phạm vi thành phố Tây Ninh, thị trấn Hòa Thành; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trừ công trình thuộc phạm vi khu kinh tế; công trình xây dựng, công trình thuộc dự án xây dựng thuộc phạm vi cụm công nghiệp; công trình công nghiệp, công trình thuộc dự án xây dựng không thuộc phạm vi khu kinh tế; công trình xây dựng thuộc phạm vi khu di tích và danh thắng Núi Bà; công trình xây dựng sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại, công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối đô thị, khu kinh tế (nhà máy xử lý nước thải, nhà máy xử lý chất thải rắn, nghĩa trang đô thị...).

UBND tỉnh phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cấp giấy phép công trình xây dựng

thuộc phạm vi khu kinh tế, trừ các công trình xây dựng quy định tại Khoản 1 Điều này.

UBND huyện, thành phố cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng còn lại (kể cả những công trình xây dựng thuộc khu vực nông thôn) và nhà ở riêng lẻ ở đô thị, trung tâm cụm xã, khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa giới hành chính do mình quản lý.

Sở Xây dựng tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép xây dựng; kiểm tra

định kỳ hoặc đột xuất công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép tại các cơ quan cấp giấy phép xây dựng; tổng hợp, xử lý hoặc đề xuất xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức cấp giấy phép xây dựng theo đề nghị các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.tayninh.gov.vn)

Tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định quy định trình tự đăng ký và lựa chọn chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh

Ngày 14 tháng 6 năm 2016, UBND tỉnh Vĩnh Long đã ban hành Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND quy định trình tự đăng ký và lựa chọn chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Về nguyên tắc, các dự án được lựa chọn chủ đầu tư phải là những dự án đã được công khai về quy hoạch; công khai minh bạch trong quá trình lựa chọn chủ đầu tư theo nguyên tắc ưu tiên đối với nhà đầu tư đáp ứng các tiêu chí về kinh nghiệm, năng lực tài chính (có tỷ lệ vốn chủ sở hữu cao hơn); giá bán, cho thuê, thuê mua thấp hơn; bảo đảm về chất lượng và tiến độ thực hiện dự án tốt hơn; có cam kết ký quỹ đầu tư tại một ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh.

Thành phần hồ sơ đăng ký chủ đầu tư dự án bao gồm: Văn bản đăng ký; Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính; Thuyết minh dự án đầu tư, gồm các nội dung cơ bản: Dự kiến quy hoạch tổng mặt bằng khu nhà ở;

quy mô một đơn nguyên nhà ở; số tầng cao; tổng diện tích sàn của dự án; tổng số căn hộ dự kiến đầu tư; cơ cấu các loại căn hộ trong dự án...; Nhà đầu tư có nhu cầu đăng ký làm chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở xã hội nộp trực tiếp 04 (bốn) bộ hồ sơ (01 bản gốc và 03 bản sao).

Điều kiện làm chủ đầu tư dự án bao gồm văn bản đăng ký làm chủ đầu tư của nhà đầu tư; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, có số vốn pháp định theo quy định của pháp luật kinh doanh bất động sản; có giấy tờ chứng minh năng lực tài chính để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai; thực hiện ký quỹ cam kết đầu tư bằng 1% tổng mức vốn đầu tư của dự án, nhưng tối đa không quá 05 (năm) tỷ đồng, tối thiểu không dưới 01 (một) tỷ đồng; trong một số trường hợp đặc biệt (khu vực cần thu hút đầu tư, khu vực chưa được đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, khu vực kinh tế khó khăn...), UBND tỉnh sẽ xem xét quyết định giảm hoặc miễn nộp tiền ký quỹ cho từng trường hợp cụ thể.

Nguyên tắc lựa chọn chủ đầu tư:

Đối với trường hợp chỉ định chủ đầu tư: Nhà đầu tư được xem xét đề nghị lựa chọn làm chủ đầu tư khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện về kinh nghiệm và vốn sở hữu của chủ đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư và pháp luật về kinh doanh bất động sản cụ thể là có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; có số vốn pháp định theo quy định của pháp luật kinh doanh bất động sản.

Đối với trường hợp đấu thầu: Nhà đầu tư được xem xét đề nghị lựa chọn làm chủ đầu tư khi có hồ sơ dự thầu đúng quy định; đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm; đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, về tài chính; dự án đạt hiệu quả cao nhất.

Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày công bố công khai thông tin về dự án trên Cổng (Trang) thông tin điện tử của UBND tỉnh và Sở Xây dựng, nếu có từ hai nhà đầu tư trở lên có nhu cầu đăng ký tham gia làm chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội thì tiến hành tổ chức đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư dự án. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn công khai thông tin về dự án trên Cổng (Trang) thông tin điện tử của UBND tỉnh và Sở Xây dựng, Sở Xây dựng có trách nhiệm phát hành hồ sơ mời thầu đến các nhà đầu tư đã đăng ký. Thời gian để nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối đa là 20 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn phát hành hồ sơ mời thầu. Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu tối đa 20 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp hồ sơ dự thầu.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo kết quả đánh giá các hồ sơ dự thầu. Nếu có nhà đầu tư đạt yêu cầu, Sở Xây dựng lập thủ tục trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét công nhận chủ đầu tư dự án. Nếu không có nhà đầu tư đạt yêu cầu, Sở Xây dựng thông báo cho các nhà đầu tư có hồ sơ dự thầu biết kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh xem xét trong thời hạn 7 ngày làm việc.

Phương thức đấu thầu theo hình thức một

giai đoạn hai túi hồ sơ, gồm hồ sơ đề xuất về mặt kỹ thuật và hồ sơ về mặt tài chính.

Tiêu chí lựa chọn chủ đầu tư: Việc lựa chọn chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở xã hội thực hiện theo phương pháp chấm điểm (với thang điểm tối đa là 100). Nhà đầu tư phải có tổng số điểm lớn hơn hoặc bằng 70 điểm và phải đạt các tiêu chí về năng lực tài chính, kinh nghiệm theo quy định mới được đưa vào xét chọn. Căn cứ vào từng dự án cụ thể, Tổ chuyên gia có trách nhiệm xây dựng bảng điểm cho từng tiêu chí đánh giá trên cơ sở hồ sơ đăng ký của nhà đầu tư để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Các thang điểm được xác định trên cơ sở 03 tiêu chí sau gồm năng lực tài chính (có vốn pháp định theo quy định của pháp luật kinh doanh bất động sản và giá dự thầu so với tổng mức đầu tư dự kiến), năng lực kinh nghiệm (đã trực tiếp đầu tư - kinh doanh ít nhất 01 dự án nhà ở có quy mô xây dựng tương tự); tiến độ triển khai thực hiện dự án và các đề xuất của nhà đầu tư.

Tổ chuyên gia thành lập trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn công khai thông tin; thành phần tổ chuyên gia gồm đại diện các sở Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, UBND cấp huyện.

Tổ chuyên gia có trách nhiệm lập hồ sơ mời thầu, xây dựng các tiêu chí đánh giá, các thang điểm cụ thể; kiểm tra, xem xét, chấm điểm đối với từng hồ sơ dự thầu; lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu theo đúng quy định; thời gian đánh giá và lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu về Sở Xây dựng tối đa 20 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp hồ sơ. Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký của nhà đầu tư không đạt yêu cầu, không lựa chọn được chủ đầu tư dự án, trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu của Tổ chuyên gia, Sở Xây dựng báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định và có văn bản thông báo đến nhà đầu tư biết và nêu rõ lý do.

Sau khi được UBND tỉnh công nhận làm chủ

đầu tư dự án, chủ đầu tư lập và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (đối với khu vực dự án mới có quy hoạch tỷ lệ 1/2000) hoặc đề nghị chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình, giải pháp về hạ tầng kỹ thuật (sau đây gọi chung là bản vẽ tổng mặt bằng) của dự án đối với trường hợp không thuộc diện phải lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Sau khi có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt

hoặc có bản vẽ tổng mặt bằng được chấp thuận, chủ đầu tư lập thủ tục chấp thuận đầu tư gửi Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh chấp thuận đầu tư. Chủ đầu tư dự án tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự án phát triển nhà ở theo quy định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.vinhlong.gov.vn)

Thành phố Hải Phòng ban hành quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị chung thành phố

Ngày 11 tháng 7 năm 2016, UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 1339/2016/QĐ-UBND về các quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị chung thành phố.

Nguyên tắc chung về quản lý quy hoạch, kiến trúc

Đối với các khu vực đã có quy hoạch, thiết kế đô thị, Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc được duyệt trước khi ban hành Quy chế này thì tổ chức quản lý theo quy hoạch, thiết kế đô thị, Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đã được phê duyệt. Đối với khu vực chưa có quy hoạch, thiết kế đô thị riêng thì việc quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan phải tuân thủ Quy chế này và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Các công trình, dự án phát triển đô thị phải bảo đảm sự đồng bộ giữa phân bố quy mô dân số với phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; phải được quản lý đồng bộ về không gian, kiến trúc, cảnh quan, bảo đảm hiệu quả, an toàn, bảo vệ môi trường thành phố. Khi tiến hành xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa có thay đổi về quy mô diện tích, kiến trúc công trình thì phải tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy hoạch xây dựng và Quy chế này. Tôn trọng các chỉ tiêu quy hoạch như chỉ tiêu sử dụng đất đối với đô thị trung tâm: 160m²/người, chỉ tiêu sử dụng đất đối với đô thị vệ tinh 180m²/người; đảm bảo

không vi phạm tính không Cảng hàng không quốc tế Cát Bi, Sân bay Kiến An.

Giới hạn khu vực quản lý

Khu vực đô thị cũ gồm khu nội thành cũ được giới hạn trong phạm vi từ sông Cấm, sông đào Thượng Lý, đường Nguyễn Văn Linh - Nguyễn Bình Khiêm (vành đai 1) và một phần trung tâm quận Kiến An; khu vực hạn chế phát triển từ sông Tam Bạc, đường Nguyễn Tri Phương, Lê Thánh Tông, Nguyễn Trãi, Lê Lợi, Tô Hiệu, Trần Nguyên Hãn; khu vực còn lại của đô thị hiện hữu thuộc các quận Hải An, Dương Kinh, Đồ Sơn và phần còn lại của Kiến An, Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền.

Quản lý quy hoạch và không gian khu vực hạn chế phát triển: Lập thiết kế đô thị riêng cho các tuyến phố; xây dựng danh mục các công trình có giá trị cần bảo tồn; đối với khu vực xung quanh Nhà hát lớn của thành phố và dải trung tâm cần quy định cụ thể đối với việc xây dựng, cải tạo các công trình để đảm bảo không gian cảnh quan quan trọng này; hạn chế xây dựng công trình cao tầng, trừ trường hợp có vị trí quan trọng; các công trình công cộng hiện có được giữ lại, khi cải tạo phải theo hướng không tăng mật độ xây dựng, tăng cường không gian trống (bãi đỗ xe, vườn hoa cây xanh); lập kế hoạch hạ ngầm hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

Đối với việc quản lý quy hoạch và không gian khu vực còn lại của đô thị cũ cần lập chương trình tái thiết đô thị; lập thiết kế đô thị riêng; các công trình công cộng hiện có được giữ lại, khi cải tạo phải theo hướng không tăng mật độ xây dựng, tăng cường không gian trống;...

Đối với khu vực đô thị mới của đô thị trung tâm gồm các khu vực dự kiến phát triển thành quận mới trong tương lai: Khu Bến Rừng, Khu Bắc Sông Cấm, Khu Tây Bắc Thành phố, Khu An Dương, Khu Tràng Cát - Cát Hải; Khu vực phát triển các đô thị vệ tinh, bao gồm 07 đô thị loại 4 phát triển trên cơ sở các thị trấn hiện hữu: Minh Đức, Núi Đèo, An Lão, Núi Đồi, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Cát Bà; 06 đô thị loại 5 phát triển mới trong tương lai: Quảng Thanh, Lưu Kiếm, Hòa Bình, Hùng Thắng, Tam Cường, Bạch Long Vỹ.

Quản lý quy hoạch và không gian khu vực này theo Chương trình phát triển đô thị; xây dựng kế hoạch lập các đồ án quy hoạch phân khu và ban hành Quy chế quản lý; khuyến khích xây dựng công trình cao tầng, hợp khối. Đối với các đô thị vệ tinh cần lập chương trình phát triển đô thị cho từng đô thị vệ tinh làm cơ sở nâng loại đô thị.

Đối với khu vực cảnh quan trong đô thị

Xây dựng mới công viên đảo Vũ Yên, công viên Tân Thành, công viên Hồ Đông. Thành phố ban hành các cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, đầu tư và phát triển hệ thống cây xanh. Đối với hệ thống sông, hồ như sông Cấm, sông Lạch Tray, sông Tam Bạc cần lập thiết kế đô thị riêng 2 bên sông; đảm bảo hành lang bảo vệ đê; nghiêm cấm các hành vi lấp hồ, lấn chiếm lòng hồ, chuyển đổi chức năng không gian mặt nước, khai thác mặt nước làm ảnh hưởng chất lượng nước cũng như cảnh quan chung.

Cần phân định các khu vực bảo tồn bao gồm vùng cảnh quan sinh thái (khu dự trữ sinh quyển thế giới, vườn Quốc gia và di tích danh thắng đặc biệt cấp quốc gia quần đảo Cát Bà;

di chỉ Tràng Kênh...); các khu, cụm di tích lịch sử - văn hóa, công trình và di tích đơn lẻ, danh lam thắng cảnh - gọi chung là khu vực các công trình bảo tồn.

Đối với khu vực công nghiệp cần phân định các khu công nghiệp tập trung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; các cụm công nghiệp, kho tàng khác gồm các cụm công nghiệp hiện trạng, cụm công nghiệp địa phương. Đối với các khu công nghiệp cần hoàn chỉnh hệ thống các công trình bảo vệ môi trường (xử lý nước thải, thu gom chất thải, trồng cây xanh cách ly...) theo tiêu chuẩn hiện hành; phải có biện pháp xử lý độc hại cục bộ, điều chỉnh quỹ đất bổ sung dải cây xanh cách ly; phải đảm bảo xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, công trình dịch vụ, vườn hoa tiểu cảnh và cây xanh cách ly theo quy hoạch được duyệt trước khi đưa vào khai thác sử dụng.

Đối với khu vực dự trữ phát triển, đất an ninh quốc phòng

Đối với khu vực dự trữ phát triển, chính quyền địa phương cần có kế hoạch và thực hiện công tác quản lý phương án sử dụng đất hiệu quả trong các giai đoạn phát triển ngắn hạn và dài hạn theo quy hoạch; kết nối hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trên cơ sở hệ thống hiện có phù hợp với kế hoạch sử dụng đất.

Đối với khu vực an ninh quốc phòng: Quản lý quy hoạch và không gian theo quy hoạch chuyên ngành do Bộ Quốc phòng và Bộ Công an thực hiện, phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Việc chuyển đổi đất an ninh quốc phòng thành đất đô thị phải được sự thống nhất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đối với công trình công cộng:

Đối với nhà ở riêng lẻ, khi cải tạo phải đảm bảo phù hợp với ngôn ngữ kiến trúc xung quanh. Đối với nhà ở chung cư, việc dỡ bỏ cốt nới tại ban công, lô gia để đảm bảo an toàn cho

công trình cũng như đảm bảo hình thức kiến trúc; loại bỏ các khu vực lấn chiếm trái phép để bổ sung sân chơi, cây xanh và các không gian sinh hoạt cộng đồng.

Việc xây dựng mới, đối với nhà ở riêng lẻ phải thống nhất về hình thức kiến trúc, màu sắc, cao độ nền, chiều cao công trình và độ vươn của ban công, ô văng với các công trình hiện hữu đã được cấp phép xây dựng; với nhà chung cư phải có kế hoạch đảm bảo tái định cư tại chỗ, cho phép tăng chiều cao so với quy mô ban đầu và không tăng mật độ xây dựng.

Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật:

Quy định về công trình cấp nước: Bảo vệ nguồn nước ngọt sông Rế, sông Giá, sông Đa Độ, sông Chanh Dương; nghiêm cấm các hoạt động xây dựng trong phạm vi bảo vệ nguồn nước theo quy định. Công trình thoát nước thải và vệ sinh môi trường phải đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường đối với khu dân cư, trồng cây xanh cách ly, giảm thiểu tác động đến không gian cảnh quan đô thị. Các trạm trung chuyển, khu xử lý chất thải rắn áp dụng công nghệ mới hướng tới tự động hóa, phải được thiết kế đảm bảo không gian cảnh quan.

Đối với công trình cấp điện: Trạm biến áp trong khu đô thị cũ phải có kế hoạch chỉnh trang, từng bước chuyển đổi thành trạm kín; khu vực đô thị mới phải sử dụng trạm kín, trạm ngầm để đảm bảo an toàn và cảnh quan với các công trình xung quanh.

Quy định đối với công trình giao thông: Các công trình đầu mối, công trình giao thông có

quy mô lớn, có vị trí quan trọng ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị (nhà ga hàng không, đường sắt, cảng biển, cảng thủy nội địa, bến xe khách, nút giao thông khác mức, cầu qua sông, cầu vượt, cầu dành cho người đi bộ...) phải tổ chức thi tuyển hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc theo quy định trước khi lập dự án đầu tư xây dựng. Đối với công trình giao thông đô thị như hè phố, đường đi bộ và đường dành riêng cho xe đạp phải đảm bảo chiều rộng theo quy định, an toàn và thuận tiện cho người khuyết tật sử dụng; hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn, đèn tín hiệu giao thông phải đảm bảo không bị che khuất tầm nhìn.

Đối với công trình ngầm cần lập kế hoạch đầu tư xây dựng đường công, bể kỹ thuật hoặc hào, tuy-nen để từng bước hạ ngầm đường dây, cáp nổi. Tận dụng tối đa không gian ngầm ở khu vực trung tâm thương mại, văn hóa tại các công trình, các khu chức năng thuộc khu vực nội đô mở rộng để làm gara, bãi đỗ xe. Xây dựng các bãi đỗ xe ngầm tại các vườn hoa, công viên, quảng trường nhưng không được làm ảnh hưởng đến giao thông chung, an toàn kết cấu các công trình và hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, đồng thời phải đảm bảo hài hòa với cảnh quan khu vực.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

**Xem toàn văn tại
(www.haiphong.gov.vn)**

Nghiệm thu đề tài Đánh giá hiện trạng công nghệ sản xuất, bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất tấm lợp amiang xi măng

Ngày 11/8/2016, tại Hà Nội, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị Nghiệm thu đề tài Đánh giá hiện trạng công nghệ sản xuất, bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất tấm lợp amiang xi măng, xây dựng lộ trình hoàn thiện công nghệ sản xuất, giảm tác động tới môi trường, bảo vệ sức khỏe người lao động. Ông Nguyễn Công Thịnh - Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường (Bộ Xây dựng) chủ trì Hội nghị.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã nghe chủ nhiệm đề tài, Ths Nguyễn Thị Tâm - Giám đốc Trung tâm Thiết bị, môi trường & an toàn lao động (thuộc Viện Vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng) trình bày báo cáo tóm tắt đề tài. Theo đó, sản xuất tấm lợp amiang xi măng xuất hiện ở Việt Nam từ những năm 1960 của thế kỷ trước. Bên cạnh những đóng góp tích cực đến sự phát triển của ngành vật liệu xây dựng, vật liệu amiang cũng tồn tại những vấn đề liên quan đến ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

Mục đích của đề tài là đánh giá hiện trạng cũng như công nghệ sản xuất tấm lợp amiang xi măng ở Việt Nam, nhằm bảo vệ môi trường cũng như sức khỏe người lao động làm việc tại các cơ sở sản xuất và người sử dụng tấm lợp này, đồng thời xây dựng lộ trình hoàn thiện công nghệ sản xuất tại các cơ sở sản xuất tấm lợp amiang xi măng.

Để thực hiện đề tài, nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát thực tế ở 35/39 cơ sở sản xuất tấm lợp amiang xi măng trên toàn quốc. Sau đó thống kê tổng hợp các số liệu công nghệ, hiện trạng môi trường cũng như mức độ sử dụng nguyên vật liệu sản xuất tấm lợp này. Nhóm tác giả cũng tổ chức thu thập thông tin từ các cơ quan chức năng có liên quan và từ các tài liệu chuyên ngành để phục vụ đề tài nghiên cứu.

Đánh giá cao sự nỗ lực, tinh thần nghiêm túc



Quang cảnh Hội nghị

của nhóm tác giả khi thực hiện đề tài, các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng thẩm định nhận xét: Nhóm tác giả đã dày công tiến hành khảo sát thực tế để thu thập thông tin, số liệu và đưa ra những đánh giá chính xác, có cơ sở. Song, nhóm tác giả cần đưa ra thứ tự ưu tiên trong các tiêu chí đánh giá và đưa ra những kiến nghị về giải pháp cụ thể trong việc nghiên cứu đa dạng các loại vật liệu để sản xuất tấm lợp.

Thay mặt Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng, ông Nguyễn Công Thịnh ghi nhận những kết quả nhóm tác giả đã đạt được khi thực hiện đề tài, đồng thời đề nghị nhóm tác giả cần tiếp thu đầy đủ ý kiến đóng góp của các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng, đặc biệt là cần xem lại cách phân loại và đánh giá một số tiêu chí cho sát với tình hình thực tế và chú trọng nghiên cứu kỹ hơn những tiêu chí về môi trường, đảm bảo sức khỏe của người lao động cũng như người sử dụng tấm lợp amiang xi măng.

Đề tài được Hội đồng nhất trí thông qua với kết quả xếp loại Khá.

Trần Đình Hà

Hội nghị thẩm định Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị

Ngày 4/8/2016 tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị thẩm định Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn - Chủ tịch Hội đồng thẩm định chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có đại diện các Bộ, ngành Trung ương; các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng, đơn vị tư vấn lập Đồ án - Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn quốc gia; Đại diện địa phương có Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị Hà Sỹ Đồng và lãnh đạo một số Sở, ngành có liên quan.

Báo cáo về Đồ án, đại diện đơn vị tư vấn cho biết, Khu Kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị được thành lập theo Quyết định số 42/QĐ-TTg ngày 16/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Phạm vi Khu kinh tế bao gồm 17 xã, thị trấn với quy mô diện tích 23.792ha, trong đó khu vực trọng tâm 11.469ha, khu vực phụ trợ 12.323ha, quy mô dân số 77.000 người.

Thực hiện việc nghiên cứu lập Đồ án theo Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định phê duyệt số 75/QĐ-TTg ngày 11/2/2016 của Thủ tướng Chính phủ, đơn vị tư vấn đã kế thừa Quy hoạch chung xây dựng khu vực Đông Nam tỉnh Quảng Trị được tỉnh phê duyệt năm 2014 và bổ sung thêm một số nội dung mới của Khu Kinh tế. Các nội dung của Đồ án được báo cáo tại Hội nghị thẩm định bao gồm: Đặc điểm tự nhiên và các vấn đề hiện trạng của khu vực quy hoạch gồm hiện trạng đất xây dựng, hiện trạng kinh tế - xã hội, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường; Mối liên hệ vùng của Khu Kinh tế; Tiềm năng, động lực phát triển và các định hướng chuyên ngành; vị thế mới của Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị trong vùng duyên hải



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn chủ trì Hội nghị Trung Bộ; Dự báo quy mô dân số, đất đai, lao động, kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở hiện trạng và các dự báo phát triển, Đồ án đã đưa ra tầm nhìn phát triển của Khu Kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị đến năm 2050 và đề xuất các nội dung quy hoạch: Phân khu vực kiểm soát phát triển; cơ cấu quy hoạch phân khu chức năng đến năm 2035; định hướng phát triển không gian đến năm 2035; định hướng phát triển các khu, các ngành công nghiệp, khu trung tâm, dịch vụ du lịch; định hướng phát triển đô thị; quy hoạch hệ thống không gian xanh, vùng nông nghiệp, khu dân cư; quy hoạch hệ thống thương mại, dịch vụ và hạ tầng xã hội; quy hoạch sử dụng đất và hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường đến năm 2035...

Trong khuôn khổ Đồ án, đơn vị tư vấn cũng đề xuất các quy hoạch xây dựng ngắn hạn đến năm 2025 với các dự án ưu tiên giai đoạn đầu để khởi động và làm động lực cho sự phát triển của Khu Kinh tế.

Đánh giá về Đồ án, các chuyên gia phản biện của Hội đồng nhìn chung thống nhất là Đồ án đã được nghiên cứu nghiêm túc, công phu, bám sát Nhiệm vụ quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đáp ứng các quy trình thủ tục quy định và pháp luật về quy hoạch xây dựng.

Đóng góp các ý kiến hoàn thiện Đồ án, các



Toàn cảnh Hội nghị

chuyên gia phản biện đề nghị đơn vị tư vấn nghiên cứu, bổ sung các số liệu về biến đổi khí hậu, số liệu hiện trạng về người lao động trọng độ tuổi, tổng giá trị sản xuất kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu kinh tế của Quảng Trị trong 5 năm vừa qua để làm cơ sở cho các dự báo; phân tích rõ hơn lợi thế so sánh của Khu Kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị so với các Khu Kinh tế lân cận như Hòn La, Chân Mây - Lăng Cô; làm rõ các căn cứ đề xuất trong Đồ án về quy mô cảng biển Mỹ Thủy, xây dựng cơ sở lọc hóa dầu; làm rõ cơ cấu nguồn vốn đầu tư và lộ trình đầu tư; đánh giá tổng quát về thị trường và khả năng thu hút đầu tư của Khu kinh tế; xem xét việc bố trí các cơ sở công nghiệp dàn trải sẽ gây tổn kém về hạ tầng kỹ thuật và khó kiểm soát về môi trường; phân tích và đánh giá kỹ hơn về các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, cấp nước - thoát nước, xử lý nước mưa, nước thải; làm rõ cơ sở đề xuất cốt cao độ khống chế...

Phát biểu góp ý kiến cho Đồ án, đại diện các Bộ, ngành Trung ương cơ bản thống nhất với nội dung của Đồ án, đồng thời lưu ý nhóm

nghiên cứu cần làm rõ thêm về việc bố trí quỹ đất quốc phòng; cân nhắc quy mô công nghiệp và định hướng ngành nghề, xây dựng các kế hoạch thu hút đầu tư vì nguồn vốn từ ngân sách nhà nước rất hạn hẹp; chú trọng bảo vệ rừng phòng hộ và khoảng cây xanh cách ly; bảo tồn cách danh thắng và công trình di tích văn hóa - lịch sử; đi sâu vào các giải pháp huy động nguồn lực đầu tư...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Nguyễn Đình Toàn nhất trí với ý kiến phát biểu của các chuyên gia phản biện và các thành viên của Hội đồng, đánh giá Đồ án đã được đơn vị tư vấn nghiên cứu công phu và đáp ứng các quy định pháp luật.

Chủ tịch Hội đồng thẩm định đề nghị lãnh đạo tỉnh Quảng Trị chỉ đạo đơn vị tư vấn, Ban Quản lý Khu Kinh tế và Sở Xây dựng nghiên cứu tiếp thu các nội dung góp ý tại Hội nghị; tiến hành rà soát các yêu cầu trong Nhiệm vụ quy hoạch đã được Thủ tướng phê duyệt để cập nhật, bổ sung và làm rõ từng yêu cầu trong Đồ án; chú trọng vấn đề quy hoạch hạ tầng khung, đặc biệt là giao thông để thu hút các nhà đầu tư; lưu ý việc đảm bảo an toàn môi trường như quy hoạch địa điểm xử lý chất thải rắn, các trạm xử lý nước thải, chỉ rõ khu vực hạn chế phát triển, khu vực cấm phát triển; bổ sung nghiên cứu về hệ sinh thái biển và ven biển; trong đồ án cần quy hoạch rõ về hạ tầng xã hội trong khu kinh tế; nhà ở công nhân, trường học, cơ sở y tế, thương mại, khu tái định cư...

Minh Tuấn

Công nghệ “Smart House” và những công trình nhà thấp tầng sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả

Dựa trên kinh nghiệm thiết kế công trình nhà ở thấp tầng sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả tại các nước phát triển và hệ thống tự động “Smart House”, việc ứng dụng tổng thể hệ thống này trong phân khúc xây nhà thấp tầng

của Nga sẽ được phân tích cụ thể trong bài viết dưới đây. Việc này càng cấp thiết hơn, khi trên thực tế hiện nay hệ thống kỹ thuật bảo đảm chức năng tiết kiệm năng lượng trong các nhà đơn lập còn khá phức tạp; bên cạnh đó, các quy



Nhà thấp tầng tiết kiệm năng lượng tại Đức

trình năng lượng và công nghệ tiết kiệm nước nhằm tiết kiệm nguồn tài nguyên năng lượng cần tối ưu hóa. “Smart House” có khả năng nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng tiết kiệm lên 20 - 30% so với một ngôi nhà thông thường không lắp đặt hệ thống này. Việc ứng dụng hệ thống trong các công trình/ tòa nhà an toàn về mặt sinh thái một mặt nâng cao mức tiện nghi sống; mặt khác giúp đơn giản hóa việc tính toán nhu cầu tiêu thụ nhiệt - điện - nước, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng tiết kiệm (có thể nhiều lần so với những ngôi nhà thông thường cho tới khi nhu cầu tiêu thụ bằng 0).

Thế kỷ XXI được coi là kỷ nguyên thông tin và sinh thái. Việc thiết lập môi trường sống tiết kiệm năng lượng trong quá trình xây dựng các khu dân sinh, khu nhà ở cần trở thành xu hướng chủ đạo trong quy hoạch đô thị và kiến trúc hiện đại. Điều này sẽ “nóng” hơn bởi các vấn đề sinh thái toàn cầu liên quan tới biến đổi khí hậu, bởi sự cần thiết bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường tự nhiên xung quanh, bởi sự gia tăng mạnh mẽ nhu cầu tiêu thụ năng lượng, sự tăng giá các nhiên liệu hydrocacbon. Và điều quan trọng nhất - vấn đề cải thiện sức khỏe, kéo dài tuổi thọ cho cộng đồng dân cư ngày càng được Chính phủ các nước quan tâm.

Tại Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu toàn cầu lần thứ 21 diễn ra tại Paris (Pháp) tháng 11 năm 2015, Tổng thống Nga V.Putin đã tuyên bố về việc cho tới năm 2020, Nga sẵn



Khu phố gồm những ngôi nhà block tại Liverpool (Anh)

sàng giảm phát thải khí nhà kính tới 25% so với năm 1990. Tổng thống Mỹ B.Obama đã hứa tới năm 2020, Mỹ sẽ giảm 17% lượng khí phát thải (so với mức cơ bản của năm 2005, chứ không phải của năm 1990 như các quốc gia khác). Cho đến năm 2050, dự kiến quốc gia này sẽ giảm lượng khí phát thải tới hơn 80%. Tại Mỹ, việc nghiên cứu các công nghệ mới trong sản xuất, sử dụng và tiết kiệm năng lượng (nhất là các công nghệ cải tiến) có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Bên cạnh đó, Chính quyền của ông Obama cũng ủng hộ tích cực giải pháp xây dựng nền kinh tế thế kỷ XXI - kinh tế nước sạch. Những dự án quan trọng nhất của nước Mỹ hôm nay đều hướng tới năng lượng. Đây cũng là lối thoát khỏi sự lệ thuộc vào nguồn tài nguyên hóa thạch đang dần cạn kiệt. Theo ông Obama, mục tiêu trước mắt của nền kinh tế Mỹ là giảm phát thải khí nhà kính, và phát triển các công nghệ mới có sử dụng các nguồn năng lượng thay thế trong các lĩnh vực công nghiệp sản xuất, xây dựng và giao thông.

Tham gia Hội nghị này, các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU) đã thông qua quyết định tới năm 2020 gia tăng năng lượng thay thế lên 20%; giảm 20% việc tiêu thụ điện năng, thông qua việc tiết kiệm và giảm tới 30% lượng khí phát thải. Nhật Bản, CHLB Đức, Thụy Điển và nhiều nước khác đều đang áp dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng trong xây dựng nhà ở, trong đó cùng với việc tiết kiệm năng lượng



Nhà block tại Lawrenceville (Georgia - Mỹ)

thì nước, vật liệu xây dựng cũng được tiết kiệm triệt để, và chú trọng ứng dụng các công nghệ ít chất thải.

Hội nghị lần này đã chỉ ra sự cần thiết phải có cuộc cách mạng công nghệ trong lĩnh vực năng lượng để ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Để đạt được mục tiêu đó cần chuyển đổi sang nền kinh tế cacbon thấp. Liên quan tới vấn đề này, việc quan trọng nhất là đề ra những tiêu chí tối thiểu về hiệu quả sử dụng năng lượng tiết kiệm đối với các công trình công cộng cũng như công trình nhà, các máy móc và thiết bị điện.

Tại Nga, trong vòng 5 thập kỷ qua, các quy tắc về quy hoạch và xây dựng đô thị, các thông số thiết kế nhà (xây theo biện pháp công nghiệp) hầu như không thay đổi. Trong xây nhà, các giải pháp công nghệ cũ vẫn được áp dụng một cách máy móc. Môi trường sống tại các công trình cao tầng nói chung đặc trưng bởi tính thiếu tiện nghi về mặt sinh thái, đồng thời nhu cầu sử dụng năng lượng rất cao. Rất cần chuyển đổi sang xây dựng thấp tầng nhằm thiết lập môi trường sống an toàn, tiện nghi và lành mạnh. Nếu công nghệ xây dựng cao tầng phản ánh bước tiến của thời đại, thì nhà thấp tầng với các hệ thống kỹ thuật tiên tiến, được trang bị hiện đại có thể bảo đảm tiện nghi sống, hiệu quả sử dụng năng lượng và tiết kiệm nguồn năng lượng. Đó chính là mẫu nhà ở trong thế kỷ XXI tại các nước phát triển.

Trong thực tiễn xây dựng của Nga, có rất nhiều ví dụ cho lĩnh vực xây nhà ở tiết kiệm năng lượng. Các công trình thấp tầng luôn đáp ứng các yêu cầu về hình thành môi trường sống tiện nghi, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với thiên nhiên xung quanh ở mức độ cao hơn. Tại phần lớn các nước châu Âu và Mỹ, Canada, người dân vẫn ưa chuộng nhà thấp tầng hơn nhà cao tầng. Ở Mỹ, nhà thấp tầng tại các thành phố và làng quê với hạ tầng giao thông kỹ thuật phát triển là mô hình cơ bản trong lĩnh vực xây dựng nhà. Các công trình thấp tầng cũng được công nhận là đậm nét truyền thống, tiện nghi và hiệu quả kinh tế cao tại Anh; được ứng dụng rộng khắp tại nhiều nước châu Âu khác như Đức, Hà Lan, Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch... Phần lớn cư dân của các quần thể đô thị tại các nước phát triển đều lựa chọn cư trú ngoài địa giới khu vực hạt nhân trung tâm (theo một vài số liệu gần đây của Un- Habitat, có tới 70% người dân New York; 80% dân Boston - Mỹ theo trào lưu này. Tại Canada, nhà dạng block chiếm hơn 65% quỹ nhà ở). Cần nói thêm, mật độ dân cư đô thị tại Mỹ, Canada và các nước châu Âu - về nguyên tắc - thấp hơn từ 4 đến 5 lần so với các đô thị lớn của Nga.

Xây dựng nhà phù hợp với học thuyết phát triển bền vững là một vấn đề cấp thiết trong lĩnh vực quy hoạch đô thị tại hầu hết các nước châu Âu, Mỹ và Nhật. Tại đây, việc thiết kế và xây mới nhà được thực hiện trên cơ sở tiết kiệm tài nguyên năng lượng. Mức thuế tiêu thụ năng lượng cao, nhu cầu tiêu thụ nước sạch là những yếu tố kích thích việc tìm kiếm giải pháp kỹ thuật, kiến trúc và quy hoạch đô thị hiệu quả hơn khi thiết kế nhà mới cũng như cải tạo, nâng cấp những khu nhà hiện hữu.

Khái niệm nhà tiết kiệm năng lượng tiệm cận gần với khái niệm nhà sinh thái. Mặc dù sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả không thể bao hàm hết các định nghĩa về một ngôi nhà sinh thái, song đó là một trong những đặc điểm cốt lõi của nhà sinh thái. Kiểu nhà sử dụng

năng lượng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng trong vài thập kỷ trở lại đây được xây dựng rộng rãi tại các nước Tây Âu như Thụy Điển, Đan Mạch, CHLB Đức, Na Uy, Phần Lan, Anh, Pháp, Hà Lan, cũng như tại Mỹ, Canada Nhật Bản, Israel... Kinh nghiệm thế giới cho thấy: Vận dụng năng lượng thay thế trong lĩnh vực xây nhà đã mang lại hiệu ứng lớn. Hàng chục nghìn căn nhà được hoàn thành với một phần hay toàn bộ được bảo đảm bởi nguồn năng lượng thay thế. Đồng thời, những ngôi nhà tiện nghi có mức tiêu thụ năng lượng thấp (thậm chí bằng 0) được xây dựng. Tại châu Âu, dạng nhà này được xây dựng theo các chương trình được Liên minh châu Âu thông qua như chương trình “CEPHEUS” - chương trình xây nhà thụ động có giá trị sử dụng năng lượng hiệu quả theo các tiêu chuẩn chung châu Âu. Người đặt hàng, nhà thầu xây dựng loại nhà này được hưởng các khoản trợ vốn và nhiều ưu đãi của Chính phủ. Ngay cả các quốc gia có trữ lượng năng lượng riêng cũng dành tới 80% vốn đầu tư cho việc phát triển năng lượng thay thế.

Đức là đại diện số 1 của châu Âu trong việc ứng dụng rộng rãi năng lượng mặt trời cho nhà/công trình xây dựng. Tại đây, những công trình như vậy còn được gọi là “nhà mặt trời”, hay “tổ hợp mặt trời”, “làng mặt trời”, “kiến trúc mặt trời”. Các thiết bị thu sáng được sản xuất trong nước bảo đảm bình quân 40% (hoặc hơn) nhu cầu tiêu thụ năng lượng của các gia chủ.

Những ngôi nhà đơn lập lắp đặt thiết bị thu ánh nắng mặt trời trên mái là dạng công trình tiêu biểu tại Đức. Số lượng những ngôi nhà với nhu cầu tiêu thụ năng lượng để sưởi ấm bằng 0 không ngừng tăng lên hàng năm. Trên thực tế, mỗi nhà kiểu này tiêu thụ lượng nhiệt lượng khoảng 5-15kw*h/m²/năm. Số lượng nhà có mức tiêu thụ nhiệt thấp cũng liên tục gia tăng. Với quy mô như vậy, CHLB Đức đang thể hiện quyết tâm chuyển đổi sang giai đoạn xây dựng đại trà những ngôi nhà sử dụng năng lượng hiệu quả.

Kinh nghiệm hiện nay của các nước phát

triển cho thấy: Hệ thống kỹ thuật của nhà/ công trình sinh thái không thể hoàn thiện nếu thiếu hệ thống máy tính và công nghệ thông tin. Điều này được khẳng định bởi tính phức tạp của hệ thống kỹ thuật cũng như tính cấp thiết phải tối ưu hóa các quy trình năng lượng nhằm tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước và vận dụng tốt công nghệ ít chất thải. Sự ra đời của hệ thống “Smart House” có thể nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên năng lượng từ 20 - 30%. Tuy nhiên, một yếu tố vô cùng quan trọng, có ý nghĩa quyết định - đó chính là con người, với trí tuệ và nhận thức của mình, chứ không phải là bất cứ loại máy móc nào. Chẳng hạn: Nếu hạn chế việc chiếu sáng không cần thiết (bằng cách tắt đèn và các thiết bị điện khi không cần nữa) đã có thể tiết kiệm tới 30% điện năng cần tiêu thụ. Việc giảm nhiệt độ không khí trong các căn phòng về buổi đêm (cho tương thích với đặc điểm lý học của cơ thể con người), và trong các phòng tạm thời không sử dụng cũng giúp tiết kiệm năng lượng một cách đáng kể.

Một ngôi nhà sinh thái (eco house) được thiết kế về cơ bản cũng như một ngôi nhà thông minh (smart house); song không phải mọi ngôi nhà thông minh đều an toàn về mặt sinh thái. Đối với nhà sinh thái, những yêu cầu quan trọng nhất khi thiết kế hệ thống tự động là: Bảo đảm không gian sống lành mạnh (vùng vi khí hậu tối ưu; khả năng chiếu sáng và chống ồn tối ưu) phù hợp với các yêu cầu vệ sinh; đạt được chỉ tiêu về tiết kiệm năng lượng. Những chức năng quan trọng khác của nhà là bảo đảm thông tin, chống trộm, chống cháy. Các chức năng của nhà thông minh gắn liền với sự giảm tải tối đa các công việc nhà đối với gia chủ, và gắn với các giải trí gia đình khác (trong khi đây không phải là yêu cầu cần thiết đối với nhà sinh thái).

Ví dụ sinh động về một ngôi nhà trong đó tích hợp cả công nghệ eco house và smart house là một dự án của công ty Schtreif tại CHLB Đức - ngôi nhà 5 phòng có 1 tầng áp mái, tổng diện tích ở 159 m². Trong nhà ứng

dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng không sử dụng nhiên liệu tự nhiên, do đó mức tiêu thụ nhiệt rất thấp (mức tiêu thụ nhiệt riêng chỉ 40 kw*h/m²/năm). Để sưởi ấm, hệ thống điều hòa không khí tự động với thiết bị trao đổi nhiệt và bơm nhiệt được lắp đặt. Dòng khí tươi mát đi qua thiết bị trao đổi nhiệt sẽ không bị hòa với luồng khí thoát ra, mà ngược lại thu nhận nhiệt từ luồng khí đó. Bơm sẽ hút không khí vào các căn phòng, và bảo đảm bên trong nhà luôn có không khí trong lành. Bên cạnh các công nghệ tiết kiệm năng lượng, công nghệ nhà thông minh cũng được ứng dụng. Các chức năng của ngôi nhà được lập trình tự động bằng hệ thống thiết bị European Instanbus (EIB): Cửa chớp được tự động đóng mở; hệ thống sưởi tự động bật tắt. Việc điều khiển tùy thuộc vào nhu cầu tiêu thụ riêng thông qua các bộ cảm biến. Ngoài ra, trong nhà còn lắp đặt hệ thống Home Electronic System (HES), các thiết bị của Siemens. Mọi hoạt động trong nhà đều được tự động điều khiển thông qua hệ thống máy tính. Qua màn hình máy tính, gia chủ còn có thể quan sát từng thiết bị trong nhà đang

hoạt động ở trạng thái nào, phát hiện kịp thời mọi hỏng hóc hoặc sai sót.

Khác với xây nhà cao tầng (với mạng lưới cung cấp nhiệt tập trung), nhà thấp tầng tiết kiệm năng lượng sẽ đòi hỏi hạ tầng năng lượng ít hơn nhiều lần so với nhà cao tầng. Đối với các công trình xây dựng cao tầng, mạng cung ứng nhiệt dành cho các dịch vụ công cùng các hệ thống sản xuất đi kèm sẽ chiếm diện tích đất đáng kể tại các đô thị hiện đại, ảnh hưởng lớn tới thiết kế cũng như diện mạo chung của các đô thị này. Việc giảm thiểu một cách hợp lý hạ tầng năng lượng sẽ góp phần cải thiện môi trường đô thị trong các quy hoạch về mặt sinh thái, cũng như về mặt hình khối - kiến trúc. Khi đó, cư dân các đô thị sẽ được thụ hưởng các ích lợi từ việc giảm áp lực của các vấn đề sinh thái và môi trường mà đô thị đó vốn có.

Petrova Z.K.

*Nguồn: Tạp chí Quy hoạch đô thị (Nga)
tháng 6/2016*

ND: Lê Minh

LB Nga: Triển khai công nghệ xây dựng sử dụng chất thải phá dỡ nhà và công trình tại Tatarstan

Hầu hết các nước phát triển cùng với sự phát triển sản xuất và tăng mức tiêu thụ đều gặp phải vấn đề tăng khối lượng chất thải.

Trong những năm vừa qua, tỷ trọng chất thải ở Nga tăng nhanh hơn tốc độ tăng trưởng sản xuất. Theo số liệu thống kê mới trên 1/3 lượng chất thải được qua xử lý. Trong khi đó theo số liệu của Bộ Tài nguyên thiên nhiên Nga, 50% lượng chất thải sinh hoạt và 100% lượng chất thải công nghiệp đều có thể được xử lý. Như vậy, để khắc phục được vấn đề nêu trên, ở LB Nga cần tạo điều kiện và phát triển ngành kinh doanh về xử lý chất thải.

Để có thể nâng cao hiệu quả thì việc sử dụng công nghệ trong nước kết hợp với tham

khảo kinh nghiệm thế giới trong tái sử dụng chất thải là một hướng đi có triển vọng. Một trong những lĩnh vực tiêu thụ chất thải công nghiệp lớn nhất là ngành sản xuất VLXD với tỷ trọng sử dụng loại nguyên liệu nêu trên đạt đến 50%. Thông thường loại chất thải được sử dụng là chất thải có thành phần và các tính chất gần với nguyên liệu thiên nhiên. Điều đó lý giải cho việc xử lý chất thải có nguồn gốc kỹ thuật thành nguyên liệu sử dụng trong sản xuất VLXD nhân tạo thường rẻ hơn so với việc xử lý vật liệu thiên nhiên. Tuy nhiên, việc xử lý chất thải có nguồn gốc kỹ thuật thành nguyên liệu lại gặp phải vấn đề về sự an toàn đối với cuộc sống và sức khỏe của con người.

Triển vọng của hoạt động kinh doanh trong tái sử dụng chất thải

Một phương án xử lý các cấu kiện bê tông không đúng quy cách là nghiền các mảnh vỡ thành đá dăm có các kích thước hạt khác nhau đồng thời với việc tách riêng kim loại. Với mục tiêu đó Nga và các nước đang hoàn thiện các thiết bị chuyên dụng nhằm nâng cao hiệu quả xử lý vật liệu không đồng nhất - chất thải phá dỡ. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển kinh doanh xử lý chất thải xây dựng đã nảy sinh một số vấn đề, trong đó có vấn đề thiếu các tiêu chuẩn.

Theo giải thích của Ủy ban Xây dựng Nhà nước từ năm 2006 - 2007 việc thanh toán các chi phí cho việc vận chuyển chất thải xây dựng được dựa trên các khoản thanh toán thực tế. Kinh phí sử dụng cho việc thanh toán các chi phí được tính theo quy định tại Chương 9 "Các công việc khác và các chi phí khác", và đối với

những trường hợp chưa có quy định thì kinh phí thanh toán được lấy từ chi phí thực hiện những công việc mới phát sinh chưa được dự tính và kinh phí của khách hàng. Vì vậy, cách hợp pháp để thanh toán chi phí vận chuyển chất thải là xem chất thải đó như "chất thải từ công việc phá dỡ" và "chất thải từ xây dựng mới", còn chi phí cho việc tái sử dụng hoặc xử lý chất thải sẽ không có, do việc tính chi phí dành cho việc tái chế đất bị ô nhiễm và vận chuyển rác ra bãi rác hiện chưa có các tiêu chuẩn quy định. Các chi phí nêu trên đang là gánh nặng đối với nhà thầu (các chi phí gián tiếp) hoặc khách hàng (chi phí thực hiện các loại công việc bất thường khác).

Các kết quả phân tích chi phí phá dỡ công trình chuyên dụng do Bộ Bảo vệ sức khỏe Liên bang Nga thực hiện tại thành phố Kazan vào năm 2014 như sau:

Bảng 1**Chi phí phá dỡ với khối lượng V= 5565 m³ tính theo dự toán**

Thứ tự	Tên khoản mục trong dự án	Giá trị dự toán, Rúp (theo thời giá năm 2014)
1	Phá dỡ nhà	1.447.053
2	Công việc chất tải - dỡ tải	53.338
3	Vận chuyển hàng bằng phương tiện giao thông	287.048
	Cộng	1.787.439

Nhà thầu thanh toán các chi phí về việc thực hiện các yêu cầu sinh thái theo hợp đồng ký với nhà nước với mức giá cố định. Các chi phí thực tế của nhà thầu cho việc vận chuyển và tái sử dụng chất thải xây dựng được nêu tại Bảng 2.

Bảng 2**Các chi phí thực tế**

Tên công việc theo hợp đồng thầu phụ ký với tổ chức chuyên môn	Giá trị, Rúp (theo thời giá năm 2014)
Vận chuyển chất thải có kích thước lớn và tái sử dụng chất thải có kích thước lớn	1.858.710

Chi phí tái sử dụng và xử lý được đưa vào các định mức dự toán. Sự khác biệt giữa chi phí dự toán và chi phí thực tế với tổng giá trị bằng 1.519.324 rúp "đặt lên vai" của nhà thầu, làm giảm đáng kể lợi nhuận của nhà thầu. Trường

hợp nhà thầu vi phạm các tiêu chuẩn sinh thái mức phạt cao hơn nhiều lần chi phí. Có một nghịch lý là chủ sở hữu chính thức của chất thải là khách hàng - những người có thể tiếp nhận chất thải cho việc xử lý sau đó và sử dụng trong

xây dựng. Nhưng dự án nêu trên lại không xem xét việc sử dụng các vật liệu tái chế và chi phí cho việc xử lý chất thải.

Các chương trình nổi tiếng của Mátxcova phá dỡ các nhà cũ nát và nhà 5 tầng, được thông qua vào giữa những năm 90 cho phép tính đến các chi phí tái sử dụng chất thải, được thông qua chỉ sau khi tất cả các khe mương gần Mátxcova đã đổ đầy chất thải xây dựng.

Để thực hiện được điều đó, đơn giá dự toán phá dỡ nhà 5 tầng tầm lớn và chi phí xử lý chất thải xây dựng và tái sử dụng vật liệu thu được bằng cách xử lý chất thải phá dỡ thành nguyên liệu thứ cấp, đã được soạn thảo nhằm triển khai thực hiện Mục 7 tại Quyết định số 25-RM ngày 13/01/1999 của Chính quyền thành phố Mátxcova "Về việc bắt buộc tái sử dụng và tái chế chất thải xây dựng trong phá dỡ quỹ nhà ở

5 tầng và nhà ở cũ nát" (Bảng 3). Trong quá trình xác định giá cả đã tính thu nhập từ việc bán các vật liệu thứ cấp nêu trên và các chi phí chôn lấp tại bãi rác các loại vật liệu sàng lọc được và chất thải thu được trong quá trình xử lý các mảnh bê tông cốt thép vụn.

Tại Belarus, các định mức xây dựng đã bao gồm các khoản chi phí dành cho việc thanh toán các chi phí giữ gìn những địa điểm đã được phê duyệt sử dụng làm nơi lưu giữ chất thải. Các chi phí đó được đưa vào phần "Các chi phí khác" với mức bằng 2.603 rúp cho mỗi 1m³ chất thải theo giá vào ngày 01/01/2006. Các bảng giá áp dụng cho công tác vận chuyển và tái sử dụng chất thải xây dựng còn chưa được phê duyệt. Các công việc đã thực hiện được thanh toán dựa trên giá thỏa thuận theo hợp đồng.

Bảng 3

Giá tạm thời áp dụng đối với công việc xử lý phế thải bê tông cốt thép từ phá dỡ nhà 5 tầng các loại K-2, II-32, I-515, 510, 1605 thành nguyên liệu thứ cấp bằng thiết bị nghiền - sàng

(Bên tiêu thụ: Theo đơn hàng đô thị của chính quyền thành phố Mátxcova)

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị đo	Giá, Rúp (chưa tính giá trị gia tăng)
	Xử lý chất thải bê tông cốt thép thành nguyên liệu thứ cấp (đá dăm bê tông, mảnh vụn kim loại đen)	1 m ³ chất thải bê tông cốt thép	105

Có thể nhận thấy rằng chất thải từ phá dỡ nhà và công trình rất thuận lợi cho việc xử lý để sau đó tái sử dụng được ngay. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng:

1. Việc xử lý ngay tại công trình sẽ không thực hiện được nếu công trình nằm trong phạm vi thành phố, do các yêu cầu về môi trường (như tiếng ồn, bụi, sự chật hẹp của công trường phá dỡ);
2. Không đủ khả năng bảo đảm sự hoạt động liên tục của máy nghiền;
3. Các loại chất thải thu được (vật liệu đá dăm thứ cấp) không thể được sử dụng trong xây dựng, do trên thực tế rất khó xác định được rằng

các loại vật liệu đó đáp ứng được các yêu cầu nêu trong các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng thêm vào đó dự án cũng không xem xét việc sử dụng loại vật liệu nêu trên;

4. Việc bán loại vật liệu nêu trên mà không vi phạm pháp luật là không thể, do ngay từ đầu, bên đặt hàng đã cần phải đưa loại vật liệu đó vào chứng từ kế toán với vai trò là rác, mà rác thì không có giá.

Như vậy, sự thiếu hoàn thiện của pháp luật hiện hành gây khó khăn cho việc giải quyết các vấn đề xử lý chất thải.

Như chúng ta đã biết kinh doanh là một hình thức kinh tế nhằm triển khai thực hiện các hoạt

động kinh tế của người dân và được thực hiện thông qua các chủ thể là chính các nhà doanh nghiệp và người tiêu dùng. Theo các nghiên cứu gần đây ở Nga số lượng người đủ trình độ tham gia các hoạt động kinh doanh không quá 6 - 8% dân số. Được biết rằng một trong những vấn đề cấp bách nhất của nền kinh tế Nga là quản lý hợp lý chất thải, triển vọng của việc kinh doanh trong xử lý chất thải xây dựng vẫn còn là vấn đề gây tranh cãi.

Xét về khía cạnh này, nhà nước giữ vai trò rất quan trọng. Nhà nước không nên cản trở việc kinh doanh, thi hành các chính sách thiếu hợp lý và trái với lợi ích của hoạt động kinh doanh. Nhà nước có thể khuyến khích hoạt động kinh doanh nêu trên thông qua áp dụng các điều kiện ưu đãi, cung cấp các đơn hàng của nhà nước, v.v..., hoặc giữ thái độ dung hòa. Lưu ý rằng mức giá trị của các chi phí đối với bất kỳ ý tưởng kinh doanh nào đều phụ thuộc vào khối lượng vật liệu sử dụng, khối lượng nhân công và giá trị của quỹ sản xuất cơ bản. Chất thải nảy sinh từ quá trình sản xuất cũng là nguyên vật liệu đem lại cơ hội cho doanh nghiệp tận dụng nguồn nguyên vật liệu đó cho việc tạo ra lợi nhuận và đồng thời giải quyết các vấn đề môi trường sinh thái.

Giải quyết vấn đề xử lý chất thải xây dựng là một vấn đề cấp nhà nước đã và đang được giải quyết thành công ở nhiều nước châu Âu. Ở những nước này việc thành lập bãi đổ chất thải xây dựng thậm chí bị cấm hoặc các chi phí vận chuyển và tái sử dụng cao hơn nhiều so với chi phí xử lý. Tại các nước Bắc Âu, tới 90% chất thải xây dựng được xử lý. Nhờ sự hỗ trợ của nhà nước việc xử lý chất thải xây dựng ở các nước nói trên trở thành một lĩnh vực kinh doanh đem lại nhiều lợi nhuận. Theo số liệu của thành phố Kazan chi phí vận chuyển 1 tấn chất thải là 400 rúp, phí do sự tác động tiêu cực đến môi trường bằng 800 rúp, tổng chi phí là 1200 rúp. Như vậy rõ ràng là khung pháp lý hiện nay không khuyến khích các tổ chức xử lý chất thải xây dựng.

Ngoài vấn đề nêu trên đã nảy sinh vấn đề không bảo đảm kế hoạch bàn giao công trình đưa vào sử dụng do thời hạn của giai đoạn thực hiện công tác chuẩn bị công trường bị kéo dài do việc phá dỡ các công trình cũ nát và dọn dẹp mặt bằng. Sự phân tích về số lượng của các công trình được xây dựng muộn hơn so với quy định trong hợp đồng và kèm theo đó là sự tăng thêm chi phí tương ứng cho thấy số lượng các công trình đó là tương đối lớn.

Nhiều nhà thầu đã trúng thầu nhưng không đáp ứng được thời hạn của hợp đồng, đã phải chịu tổn thất lớn còn các nhà đầu tư thì không thu được hiệu quả kinh tế mong muốn. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của vấn đề.

Tatarstan có kinh nghiệm về sự thành công trong lĩnh vực xử lý và sử dụng các chất thải xây dựng trong việc xây dựng các công trình quan trọng của ngành công nghiệp vật liệu xây dựng và phát triển đồng bộ các khu nhà ở do các nhà đầu tư ngoài nhà nước thực hiện. Tuy nhiên, nhiệm vụ ưu tiên là bảo vệ môi trường còn việc hình thành ngành công nghiệp xử lý chất thải xây dựng chỉ được xem là cơ chế giúp giải quyết các vấn đề đó.

Kết luận

1. Sự thiếu hoàn thiện của pháp luật đang có hiệu lực gây khó khăn cho việc giải quyết vấn đề xử lý chất thải.

2. Nhà nước cần khuyến khích hoạt động kinh doanh thông qua việc áp dụng các điều kiện ưu đãi, đặt hàng nhà nước, v.v.. hoặc giữ thái độ dung hòa.

3. Các chi phí dự toán cho công việc vận chuyển và tận dụng chất thải xây dựng phải lớn hơn chi phí xử lý.

4. Bảo vệ môi trường cần phải là nhiệm vụ ưu tiên.

Koklyugin A.

Nguồn: Bản tin Trường đại học kiến trúc xây dựng Kazan (tiếng Nga), số 4/2015

ND: Huỳnh Phước

Ứng dụng cơ sở dữ liệu không gian trong quản lý đô thị ở Trung Quốc

Cơ sở dữ liệu không gian là nền tảng của hệ thống thông tin địa lý, từ đây cơ sở dữ liệu truyền thống lại có thêm một loại dữ liệu mới về kết cấu dữ liệu không gian. Sử dụng hệ thống thông tin địa lý thực hiện cơ sở dữ liệu không gian, kỹ thuật này là sự tập hợp của quản lý học, địa lý học, khoa học máy tính hiện đại thành một thể khoa học mới nổi.

Sử dụng hệ thống thông tin địa lý có thể tiến hành thống nhất ứng dụng của các loại: Cơ sở quản lý, mạng lưới quản lý và phân tích đưa ra những biện pháp cụ thể mà “đô thị số” đang cần, giải quyết những vấn đề thực tế tồn tại trong quản lý đô thị, đồng thời cũng là phương hướng phát triển đô thị số trong tương lai, từ đó hệ thống đô thị thật sự được thực hiện theo cách quản lý thông tin hóa. Và khái niệm về “đô thị số” cũng thực sự được thực hiện.

1. Đô thị thông minh và đô thị số

Để đáp ứng với xu thế xây dựng đô thị thông minh, Bộ Nhà ở, Đô thị và Nông thôn Trung Quốc đã ban hành “Biện pháp quản lý tạm thời thí điểm xây dựng đô thị thông minh quốc gia”. Tháng 12/2012, Viện công trình Trung Quốc tổ chức nghiên cứu và công bố “Báo cáo nghiên cứu chiến lược phát triển lâu dài về khoa học kỹ thuật công trình Trung Quốc”, trong đó đô thị thông minh là một trong 30 chuyên mục khoa học kỹ thuật công trình quan trọng của mục tiêu hướng tới năm 2030 của Trung Quốc.

Đô thị số đóng vai trò là một bộ phận của đô thị thông minh, trọng điểm tập trung vào quá trình quản lý, vận hành và duy trì cơ sở nền tảng của đô thị. Nghiệp vụ quản lý đô thị bao gồm cấp thoát nước, cấp nhiệt, cấp điện, cấp khí đốt, giao thông công cộng, công viên, điện đường... trực tiếp có liên quan tới đời sống của người dân và quá trình vận hành của đô thị. Nhiệm vụ chủ yếu của đô thị số là thiết lập hệ thống quản lý thị chính của thành phố, đóng vai

trò là sợi dây liên kết thông tin giữa doanh nghiệp với cơ quan quản lý các lĩnh vực và cơ quan quản lý đô thị, để cung cấp một kênh số hóa có thể truyền tải thông tin một cách nhanh nhất và an toàn nhất, phối hợp giúp đỡ cơ quan quản lý đô thị kịp thời nắm bắt toàn diện tình hình hoạt động của các doanh nghiệp, đồng thời để cung cấp những tham khảo hỗ trợ đưa ra những biện pháp cụ thể về quản lý đô thị.

Trong quá trình thực hiện đô thị số có những đặc điểm sau: Cần duy trì giữ gìn cơ sở dữ liệu đồ sộ nhiều loại, nhiều lớp, dung lượng lớn, các ngành nghề; Dưới những tiêu chuẩn có liên quan, thiết lập kênh chia sẻ dữ liệu và kỹ thuật chia sẻ dữ liệu, có thể là dịch vụ cung cấp mọi thông tin cần thiết cho các đơn vị; Cần sử dụng những kỹ thuật mới bao gồm thiết bị kết nối internet, điện toán đám mây, xử lý và lưu trữ dữ liệu lớn, khai thác dữ liệu..., quản lý hiệu quả số lượng dữ liệu đô thị không giới hạn; Sử dụng nền tảng tính năng phong phú, giao diện thiết bị cảm biến và hệ thống nghiệp vụ bất kỳ để khi cần đều có thể thay đổi đáp ứng nhu cầu nghiệp vụ thay đổi không ngừng của các ngành nghề.

2. Khái niệm cơ sở dữ liệu không gian

Dữ liệu đô thị số cần sử dụng không chỉ bao hàm dữ liệu cơ sở, mà còn cần hơn nữa là cơ sở dữ liệu không gian cung cấp hỗ trợ trực quan để có thể đưa ra những biện pháp cụ thể, hiện nay ứng dụng kỹ thuật GIS vào quản lý đô thị đã trở lên tương đối phổ biến.

Những năm gần đây, cùng với tốc độ phát triển nhanh chóng của hệ thống thông tin địa lý (GIS), ngày càng nhiều lĩnh vực đã ứng dụng kỹ thuật GIS. Do hệ thống thông tin quản lý đô thị có đặc điểm là: Lượng dữ liệu lớn, yêu cầu độ chính xác cao, nguồn dữ liệu phức tạp, dữ liệu có nhiều biến động..., mà kỹ thuật thông tin phổ thông vốn có đã không thể đáp ứng hoàn toàn nhu cầu của hệ thống quản lý đô thị trong

thời đại xây dựng mới, do vậy cần nhờ vào chức năng lớn mạnh của GIS để thực hiện nhu cầu: thu thập, xử lý, lưu trữ, quản lý, phân tích và sử dụng dữ liệu. GIS chọn dùng cơ sở dữ liệu không gian có thể giúp thực hiện được những nhu cầu này.

Cơ sở dữ liệu truyền thống chủ yếu nhằm vào những dữ liệu đơn giản, mà cơ sở dữ liệu không gian lại nhằm vào địa lý học và những đối tượng có liên quan, cơ sở dữ liệu không gian cần duy trì giữ gìn gần như tất cả loại hình dữ liệu có liên quan tới địa lý, những loại dữ liệu này chủ yếu bao gồm dữ liệu thuộc tính, dữ liệu hình ảnh đồ họa và dữ liệu không gian liên quan. Việc duy trì hỗ trợ loại hình dữ liệu của dữ liệu thuộc tính và cơ sở dữ liệu truyền thống về cơ bản là giống nhau, dữ liệu hình ảnh đồ họa thì lại lấy hình ảnh đồ họa làm loại đơn vị lưu trữ dữ liệu, dữ liệu quan hệ không gian là lưu trữ dữ liệu có quan hệ hình học. Bản thân dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính của không gian thực thể có thể theo thời gian mà phát sinh thay đổi, có không gian đa tiêu chuẩn và thời gian đa tiêu chuẩn.

Cho dù hiện nay đã có rất nhiều cơ sở dữ liệu không gian, nhưng để khai thác phát triển hệ thống GIS thì đầu tiên cần có sự nắm bắt một cách thành thực về phần mềm quản lý GIS, ví dụ như những phần mềm: ArcGIS, MapGIS hoặc SuperMap... Vì những phần mềm quản lý GIS này không những tập trung thành cơ sở dữ liệu không gian, mà còn thực hiện một lượng lớn phần mềm tổ chức khai thác ứng dụng GIS cơ sở, đồng thời cung cấp tối ưu hóa hơn nữa đối với những ứng dụng dữ liệu không gian. Cơ sở dữ liệu không gian là nhằm vào quản lý dữ liệu, phần mềm quản lý GIS là nhằm vào ứng dụng khai thác. Đối với nhu cầu thực tế của đô thị số nên tập trung phát triển nghiệp vụ, đối với việc quản lý cơ sở GIS giao cho phần mềm quản lý GIS đảm nhiệm, mà không phải trực tiếp đầu tư quá nhiều năng lực trong việc gắn kết với cơ sở dữ liệu không gian.

3. Ứng dụng kỹ thuật cơ sở dữ liệu không gian trong quản lý đô thị

Đối với hệ thống thông tin quản lý đô thị, các đối tượng thực tế trong khái niệm cơ bản của kỹ thuật GIS là điểm, đường và vùng được phân biệt tương ứng với cơ sở, mạng lưới đường xá và vùng lân cận. Trong hệ thống thông tin thông thường, ở rất nhiều trường hợp dữ liệu là tương đối độc lập, mỗi một hệ thống thông tin chỉ có thể xử lý một loại thông tin dữ liệu, như hệ thống đèn đường và mạng lưới đường đô thị... Ứng dụng quan trọng của kỹ thuật GIS trong hệ thống thông tin quản lý đô thị là có thể thiết lập một hệ thống dữ liệu khác nhau lưu giữ trong một hệ thống quản lý dữ liệu thống nhất, bất kỳ cơ quan liên quan và quản lý đô thị đều có thể truy cập hệ thống để tìm được những dữ liệu phù hợp với nhu cầu trong hệ thống này, đồng thời có thể tiến hành thiết lập mô hình phân tích những dữ liệu đó để từ đó quyết định đưa ra biện pháp cụ thể và tiến hành quản lý.

Cơ sở hạ tầng của đô thị có rất nhiều loại, trong đó có cơ sở hạ tầng trên mặt đất và dưới mặt đất, thông tin về môi trường và địa hình liên quan có quan hệ gắn kết mật thiết với thông tin cơ sở của đô thị, bản chất của những thông tin này là thông tin địa lý, có số lượng lớn, phân bố rộng... Kỹ thuật GIS lấy vị trí không gian, đặc tính thuộc tính và đặc tính thời gian để tiến hành thống nhất quản lý, tổ chức và sử dụng, sử dụng một cách có hiệu quả hơn trong việc phân tích và phát sinh những thông tin địa lý mới, đồng thời có thể cung cấp phương thức trao đổi và tiến hành phân bố thông tin địa lý. GIS chú trọng quản lý có hiệu quả đối với dữ liệu không gian lớn, chú trọng duy trì và quản lý đối với kết cấu hình học. Những chức năng này đang là một hệ thống quản lý thông tin đô thị quan trọng và cần thiết.

Hệ thống GIS trong quản lý đô thị có những ứng dụng điển hình sau:

Hệ thống quản lý mạng lưới cấp nước. Có thể quản lý thông tin không gian cơ sở và thông

tin dữ liệu công trình, sử dụng các thuộc tính giao diện để tiến hành quản lý thông tin. Tiến hành phân tích đưa ra biện pháp cụ thể một cách hợp lý đối với việc theo dõi điều tiết và thiết kế quy hoạch mạng lưới đường ống nước, cung cấp phương án hợp lý hóa đối với việc tu sửa những đoạn ống nước bị vỡ. Trên cơ sở phân bố thông tin quản lý cũng có thể tiến hành phân tích có hiệu quả đối với dịch vụ phòng cháy chữa cháy và những hộ sử dụng nước trong khu vực.

Hệ thống quản lý đường ống dẫn khí đốt. Đặc điểm lớn nhất của quản lý đường ống dẫn khí đốt là yêu cầu an toàn, sử dụng kỹ thuật phân tích của GIS để tiến hành mô phỏng sự việc tràn khí gas của mạng lưới đường ống dẫn khí đốt, từ đó đưa ra phương án xử lý an toàn. Quản lý dữ liệu mạng đường ống và dữ liệu địa hình, tiến hành phân tích những đoạn ống dẫn gas bị nổ để có thể quy hoạch một cách hợp lý với việc thi công an toàn.

Hệ thống quản lý mạng đường ống thoát nước. Tiến hành quản lý toàn diện đối với thiết bị thoát nước mưa ô nhiễm, tiến hành theo sát nguồn ô nhiễm được thoát thải từ những hộ dân, phân tích phạm vi ảnh hưởng của trạm bơm, tiến hành phân tích quá trình thoát nước ở những vùng lân cận.

Hệ thống quản lý đèn đường. Đèn đường là điểm mục tiêu, tuyến đường điện cung cấp đèn là tuyến mục tiêu, sử dụng kỹ thuật GIS có thể tiến hành quản lý thống nhất việc cung cấp điện cho tuyến đường, kiểm soát tuyến đường, thiết bị chiếu sáng. Mô phỏng phạm vi hồng học và phạm vi ảnh hưởng, tiến hành quy hoạch bố cục thiết bị chiếu sáng. Sử dụng biện pháp tính toán chuyên nghiệp, đồng thời cũng có thể tiến hành tính toán về sức tải của đường điện.

Hệ thống quản lý cầu đường. Thi công cầu đường là phần quan trọng của quản lý công trình đô thị, ngoài việc cần tiến hành phân tích tháo dỡ và đánh giá đầu tư, cũng cần tiến hành

quản lý bảo trì và phân tích đường sá, những công việc này đều cần tiến hành khai thác dữ liệu không gian thông tin địa lý.

Hệ thống quản lý đường giao thông công cộng. Giao thông công cộng có liên hệ mật thiết tới đời sống của người dân. Những cơ sở điểm trạm, ưu thế hóa tuyến đường, phân tích phạm vi dịch vụ, phân tích vận doanh đều là cung cấp nền tảng dịch vụ công cộng có hiệu quả cao. Trong quá trình quản lý cần tiến hành kiểm soát một cách kịp thời và thực tế tình trạng xe cộ, ngoài ra dịch vụ còn cần cung cấp phân tích phương án chuyển tuyến. Những chức năng trên nếu dựa vào dữ liệu không gian thì có khả năng khả thi hơn.

Hệ thống quản lý xanh hóa lâm viên. Quản lý cơ sở cảnh quan đô thị, quy hoạch các loại xanh hóa, quản lý công trình lâm viên, đánh giá tiêu chuẩn xanh hóa... đều là nội dung quản lý xanh hóa lâm viên của đô thị. Sử dụng kỹ thuật GIS có thể trực quan thực hiện những chức năng trên một cách thuận tiện, đồng thời dựa vào dữ liệu nền tảng của cơ sở xanh hóa còn có thể cung cấp dịch vụ thông tin du lịch cho người dân.

4. Kết luận

Sử dụng kỹ thuật cơ sở dữ liệu không gian khai thác hệ thống thông tin quản lý đô thị không những là xu hướng của thế giới, đồng thời cũng là ứng dụng khai thác nhu cầu thực tế. Chọn dùng kỹ thuật GIS khai thác hệ thống thông tin quản lý đô thị không những có thể tập trung, phân tích, quản lý và sử dụng các loại dữ liệu thông tin quản lý đô thị, quan trọng hơn là nó có thể thay đổi phương thức quản lý đô thị, nâng cao mức độ trao đổi thông tin giữa các cơ quan, nâng cao hiệu quả quản lý và đổi mới chế độ.

Trâu Kiện Đông

Theo Tạp chí Xây dựng Đô thị và Nông thôn Trung Quốc số 2/2016

ND: Khánh Ly

Vật liệu composite - triển vọng ứng dụng trong ngành xây dựng Nga

Vật liệu composite cốt sợi tổng hợp có những ưu thế vượt trội so với các vật liệu truyền thống đang được ứng dụng đại trà hiện nay như thép, hợp kim nhôm và titan, gỗ. Nếu chỉ số đặc tính riêng của vật liệu composite càng cao, các kết cấu từ loại vật liệu này sẽ càng vững bền hơn.

Sự tuyệt vời của composite còn thể hiện ở chỗ có thể thiết kế trước vật liệu sao cho kết cấu từ vật liệu này có đầy đủ các tính chất cần thiết cho từng lĩnh vực ứng dụng cụ thể.

Trên thế giới, vật liệu composite được ứng dụng trong hầu hết các ngành công nghiệp: Hàng không vũ trụ; đóng tàu thủy; chế tạo các chi tiết trong ô tô và trong các máy móc nông nghiệp;... bảo đảm các loại kết cấu và chế phẩm luôn nhẹ, bền, chi phí thấp trong vận hành khai thác. Các chỉ tiêu về trọng lượng đặc biệt quan trọng đối với giao thông (đường sắt) tốc độ cao trên các tuyến đường hiện hữu. Giảm khối lượng là một tiêu chí nhất định nhằm bảo đảm trọng lực tối ưu của thân toa tàu - điều này rất quan trọng xét từ độ nghiêng của thân toa khi chuyển động theo đường vòng ở vận tốc cao. Việc tối ưu hóa các chỉ tiêu về trọng lượng được bảo đảm bằng cách ứng dụng các kết cấu đa lớp bằng vật liệu composite trong toa tàu. Vật liệu cũng được ứng dụng nhiều trong sản xuất các toa tàu hàng, các xi téc để vận chuyển hóa chất có tính ăn mòn cao.

Trong xây dựng dân dụng, vật liệu composite được ứng dụng cho các công trình công năng khác nhau, các kết cấu đúc sẵn phục vụ công tác chỉnh trang đô thị, các khu vực phụ cận tòa nhà/ công trình xây dựng; và ứng dụng nhiều trong phân khúc xây nhà - công trình công cộng (nhất là đường ống, mái nhà...). Vật liệu composite giúp giảm các chi phí chung cho thi công xây dựng cũng như quá trình vận hành khai thác về sau, nâng cao năng suất lao động, giảm khối lượng các kết cấu và chế phẩm, tăng

độ bền chống mòn gỉ và nâng cao tuổi thọ cho kết cấu, giúp giải quyết tốt vấn đề hao mòn của hệ thống đường ống. Có thể kể các ví dụ có sự góp mặt của vật liệu xây dựng composite: panel sandwich composite, khớp nối dành cho các kết cấu bao che ba lớp, cốt (đặt trong bê tông), mái xuyên sáng, các profile cho cửa sổ...

Trong xây dựng công nghiệp, vật liệu composite được ứng dụng trong xây dựng hệ thống điều hòa không khí và thoát khí - hút mùi; hệ thống cung cấp nước; các kênh thoát nước thải... Vật liệu composite được tích cực ứng dụng trong công nghiệp khai khoáng và làm giàu quặng, công nghiệp sản xuất giấy - xenlulo, công nghiệp hóa và hóa dầu, luyện kim màu (như chế tạo các ống dẫn để vận chuyển và bảo quản các hoá chất lỏng của công nghiệp hóa và hóa dầu, ống dẫn xăng - dầu...).

Một trong những đặc tính tuyệt vời nhất của vật liệu composite là khả năng phân tán năng lượng từ lực va đập, do đó, các yếu tố composite sẽ không bị biến dạng. Nhiều sự cố nguy hiểm đã xảy ra do các phương tiện giao thông va chạm với các trụ bê tông không thể biến dạng đàn hồi. Trụ composite cốt sợi thủy tinh có thể phân tán lực va đập khi tự biến dạng, làm nhẹ đi những cú va đập đó, do đó giảm thiểu những thiệt hại có thể xảy ra.

Vật liệu composite còn được ứng dụng trong xây dựng các tuyến đường sắt chuyên biệt, xây các tường bảo vệ để gia cố cho đường sắt tại những vùng núi non có điều kiện địa chất phức tạp, nhằm nâng cao tính an toàn của giao thông đường sắt tại các khu vực này.

Trong xu thế toàn cầu chuyển sang dùng năng lượng thay thế, vật liệu composite càng được đề cao. Nhờ vào khả năng làm vật liệu chế tạo những sản phẩm kích cỡ lớn mà tải trọng nhỏ (nên ít bị lún sụt), độ bền cao với những thay đổi về thời tiết, composite được ứng dụng rộng rãi

trong chế tạo các thiết bị phóng điện. Liên bang Nga hiện nay tuy có mọi tiền đề cơ bản để xây dựng ngành sản xuất vật liệu composite vững mạnh; song thực tế ứng dụng vật liệu này tại Nga chưa phát triển mạnh mẽ như tại các quốc gia Tây Âu, nguyên nhân là: Dây chuyền công nghệ sản xuất trong nước còn lạc hậu - từ nguyên liệu đầu vào (nhựa, hắc ín và vật liệu có cốt) tới sản phẩm cuối cùng; thiếu những khách hàng lớn tin tưởng vào khả năng thay thế vật liệu composite đối với các vật liệu truyền thống; thiếu hệ thống điều hành kỹ thuật đầy đủ năng lực; thiếu các tiêu chuẩn tương ứng quy định chi tiết quy trình sản xuất và phương pháp thử nghiệm loại vật liệu này.

Những vấn đề vừa nêu nếu được giải quyết tốt sẽ là những điều kiện cần thiết nhất để việc ứng dụng vật liệu composite cốt sợi tổng hợp vào các ngành công nghiệp sản xuất của Nga phát triển mạnh mẽ hơn. Có thể nói tiềm năng lớn nhất đối với thị trường Nga hiện nay là composite cốt sợi thủy tinh. Các chỉ số cơ lý cao, có tính bền trước các tác động của môi trường xâm thực là những đặc tính nổi trội khiến vật liệu rất được ưa chuộng trong các ngành công nghiệp, đặc biệt hóa dầu của Liên bang Nga.

Cốt liệu sợi thủy tinh bảo đảm độ bền và độ cứng cho vật liệu. Chất kết dính bảo đảm tính liên khối; điều này làm tăng hiệu ứng từ các đặc tính cơ học của sợi thủy tinh, phân bố lực đồng đều giữa các sợi, bảo vệ các sợi này trước các tác động của hóa chất, của không khí và các tác động khác từ bên ngoài, cũng như tăng khả năng chịu lực của vật liệu. Ngoài ra, chất kết dính cũng tạo cho vật liệu khả năng dễ dàng định hình sản phẩm theo những khuôn hình, kích cỡ khác nhau.

Khó có thể kể tên một ngành công nghiệp nào không ứng dụng vật liệu này, từ điện tử bán dẫn, hàng không, tên lửa, sản xuất phụ tùng ô tô - tàu thủy - xe lửa cho tới tàu vũ trụ... đều cần composite cốt sợi thủy tinh. Tại các nước tiên tiến, composite cốt sợi thủy tinh được ứng dụng

rộng rãi trong xây các mặt tiền cho tòa nhà/công trình; làm hệ thống cửa sổ; xây cầu và thiết kế các kết cấu chịu lực.

Trong lĩnh vực xây dựng qua mọi thời kỳ, tính bền vững và tuổi thọ của các kết cấu xây dựng luôn là vấn đề trọng tâm. Xây cầu đường cũng vậy. Thời hạn khai thác theo thiết kế của các kết cấu nhịp dầm bằng bê tông cốt thép hoặc thép trung bình từ 80 - 100 năm; song trên thực tế thường không thể quá 40 - 50 năm, vì các nguyên nhân chính: Sự biến động của nhiệt độ môi trường; tác động của môi trường xâm thực; những phá hủy do lão hóa (xuất hiện và gia tăng các khe nứt...).

Giải quyết các vấn đề chính yếu trên để gia tăng tuổi thọ cho các nhịp cầu sẽ trở nên đơn giản hơn với việc sử dụng vật liệu composite cốt sợi thủy tinh. Các kết cấu từ loại vật liệu này luôn nổi trội so với bê tông cốt thép và thép - tốc độ và sự đơn giản trong xây lắp; nhẹ (do giảm tải trọng từ khối lượng riêng của các kết cấu nhịp lên trụ cầu); tính chính xác gần như tuyệt đối về kích thước và hình dạng (điều này cho phép tránh xả rác xây dựng ra nơi thi công); tối thiểu hóa chi phí vận hành khai thác (các kết cấu composite cốt sợi thủy tinh không bị mòn gỉ, không cần sơn hoặc bất kỳ sự bảo dưỡng nào thêm); có thể tiến hành công tác sửa chữa trong mọi điều kiện thời tiết.

Như vậy, các kết cấu từ composite cốt sợi thủy tinh có triển vọng thay thế rất lớn các kết cấu bê tông cốt thép. Khắp châu Âu, loại vật liệu này từ lâu đã được đánh giá cao và được tích cực ứng dụng trong xây dựng; trong khi thị trường cho loại vật liệu này mới được hình thành và đang tìm cho mình hướng phát triển tại Nga.

**A.S.Nikitin - Phụ trách truyền thông
Tập đoàn Ruscomposite (Nga)**

*Nguồn: Tạp chí Vật liệu xây dựng, Thiết bị
& Công nghệ thế kỷ XXI (tháng 4/2015)*

ND: Lê Minh

Mối quan hệ giữa thiết kế cảnh quan và quy hoạch đường đô thị

Sự nâng cao của chất lượng cuộc sống, sự mở rộng của quy mô đô thị đã đặt ra những yêu cầu mới đối với quy hoạch và phát triển đô thị. Thiết kế cảnh quan và quy hoạch đường đô thị cần duy trì mô hình phát triển sáng tạo.

I. Quy hoạch đường đô thị và thiết kế cảnh quan đô thị

1. Quy hoạch đường đô thị

Quy hoạch đường đô thị là hạng mục chủ đạo trong xây dựng và tương lai phát triển của đô thị. Trong quy hoạch và thiết kế quản lý đô thị, khu vực quản lý và khu vực cụ thể đều cần tiến hành phân chia theo tiêu chuẩn đường sá, tiến hành quy hoạch và thiết kế các chi tiết cụ thể về hạng mục mạng lưới vận tải trong khu vực giao thông, tiến hành liên hệ đối với một loạt bộ phận cấu thành đường đô thị, đồng thời điều tiết chúng với nhau, hình thành chỉnh thể liên hệ hữu cơ. Tăng cường quy hoạch hệ thống đường đô thị có thể giúp làm đẹp môi trường đô thị, nâng cao phong cách thiết kế nghệ thuật của đô thị, nâng cao hiệu quả làm đẹp đô thị, giúp một đô thị thể hiện được đặc điểm và sức hấp dẫn của mình. Quy hoạch đường sá và thiết kế hệ thống đường sá tại đô thị cần tiến hành phân chia chi tiết theo tình hình sử dụng và chức năng của đô thị, để ra bố cục quy hoạch đặc biệt trong phát triển đô thị. Trong hệ thống đường đô thị, việc đáp ứng yêu cầu thiết kế giao thông đô thị, hình thành diện mạo phát triển đô thị tốt đẹp có ảnh hưởng quan trọng đến bố cục tổng thể và thiết kế hình tượng của đô thị.

Thông qua quy hoạch và thiết kế đường sá, nâng cao nhu cầu thiết kế đối với đường đô thị cũng rất cần thiết. Tăng cường trật tự trong quy hoạch đường đô thị, cải thiện bố cục chỉnh thể trong quy hoạch đường đô thị, căn cứ theo một số bộ phận cấu thành quan trọng để tiến hành xây dựng tiêu chuẩn hóa. Yêu cầu xây dựng

tiêu chuẩn hóa bao gồm: Trên cơ sở tổ chức hợp lý chức năng đất sử dụng tại đô thị, hình thành một hệ thống đường sá hoàn chỉnh và mạng lưới giao thông vận tải hợp lý; đáp ứng, thích ứng nhu cầu phát triển giao thông vận tải; phân chia tính chất đường sá với chức năng khác nhau, kết hợp tình hình sử dụng đất của đô thị cụ thể để tạo thành hệ thống đường sá khác nhau; tận dụng đầy đủ điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn để quy hoạch hợp lý hướng đi của các tuyến đường chính, giảm thiểu khối lượng công trình; xem xét yêu cầu của môi trường đô thị và diện mạo đô thị; đáp ứng yêu cầu lắp đặt các tuyến đường ống và kết hợp với các công trình đường sắt.

2. Thiết kế cảnh quan đô thị

Nội dung chủ đạo trong thiết kế cảnh quan đô thị bao gồm các nội dung như thiết kế cảnh quan môi trường tự nhiên, thiết kế cảnh quan nhân văn, thiết kế cảnh quan sáng tạo... Trong quá trình thiết kế cảnh quan và quy hoạch đường sá, nội dung chủ đạo trong cảnh quan sinh thái cần đáp ứng tiêu chuẩn các nhân tố như địa lý, văn hóa, khu vực... cũng như đáp ứng các nhu cầu thực tế. Nghiên cứu thiết kế cảnh quan đô thị trong các môn khoa học khác nhau cần đáp ứng yêu cầu về cảnh quan xanh đô thị, cần đáp ứng yếu tố cảnh quan tự nhiên và yếu tố cảnh quan nhân tạo. Trong cảnh quan tự nhiên, chủ yếu bao gồm nội dung thiết kế cảnh quan tự nhiên, trong đó có gò đồi, cây cối, sông hồ, biển ... Nhân tố cảnh quan nhân tạo chủ yếu có di tích văn vật cổ, di chỉ văn hóa, tiểu phẩm nghệ thuật, vườn cây, quảng trường... Những yếu tố cảnh quan này cung cấp một lượng lớn tài liệu để tạo nên môi trường không gian đô thị có chất lượng cao. Tuy nhiên, muốn hình thành cảnh quan đô thị có đặc trưng độc đáo, cần tiến hành tổ chức hệ thống các yếu tố cảnh quan, đồng thời kết hợp với phong

thủy để hình thành nên hệ thống cảnh quan hài hòa, hoàn chỉnh, có hình thái không gian trật tự.

Trong nội dung thiết kế cảnh quan đô thị, giá trị thiết kế cảnh quan chủ đạo nằm ở năng lực phục vụ của thiết kế cảnh quan đô thị. Trong thiết kế cảnh quan đô thị, xem xét kết hợp quảng trường, phố thương mại, môi trường làm việc ... lại với nhau, hình thành tỷ lệ giữa thiết kế cảnh quan khu vực cư trú và quy hoạch công viên đô thị, tăng cường quy hoạch công viên nội đô, tăng cường quy hoạch thiết kế khu du lịch nghỉ mát và khu phong cảnh.

3. Mối quan hệ giữa quy hoạch đường đô thị và thiết kế cảnh quan đô thị

Mối quan hệ giữa quy hoạch đường đô thị và thiết kế cảnh quan đô thị thông qua sự kết hợp giữa bản thân việc xanh hóa đô thị và bản thân việc xây dựng đô thị để giúp việc xây dựng đường đô thị được xanh hóa nhiều hơn, đảm bảo hiệu quả mỹ quan trong sử dụng đường đô thị. Thiết kế cảnh quan đô thị cần đảm bảo duy trì cải tiến chi tiết quy hoạch đường sá, thiết kế không gian đường đô thị vì con người, đảm bảo tính sáng tạo trong thiết kế cảnh quan đô thị. Thiết kế cảnh quan xanh cho đường đô thị đóng vai trò là bộ phận cấu thành quan trọng trong quy hoạch đô thị, trong quá trình thiết kế cần phù hợp với mục tiêu quy hoạch chính thể của đô thị, như vậy mới có thể đạt hiệu quả thống nhất hài hòa.

II. Sáng tạo trong quy hoạch đường sá và thiết kế cảnh quan đô thị

1. Coi trọng phân tích ban đầu về quy hoạch đường sá

Khi tiến hành quy hoạch đường đô thị, cần coi trọng công tác phân tích ban đầu về quy hoạch đường sá. Trong quá trình chuẩn bị ban đầu, cần làm tốt các công tác chuẩn bị. Trong giai đoạn thiết kế, cần nắm được phương hướng thi công và quy hoạch đô thị, nắm được nguồn vốn đầu tư và lượng tổn thất cụ thể.

2. Kiên trì các thiết kế tối ưu

Trong các công tác trọng điểm về quy hoạch đường đô thị và thiết kế cảnh quan đô thị, cần nhận thức được tính quan trọng của tiết kiệm năng lượng, các bon thấp, đồng thời cần kiên trì nguyên tắc phát triển sinh thái bền vững. Trong quá trình thiết kế, cần xem xét các nhân tố về môi trường cũng như điều kiện địa lý sao cho phù hợp với yêu cầu của khu vực. Kiên trì thiết kế tối ưu hóa ngoài việc giúp môi trường đô thị đạt hiệu quả thẩm mỹ mà còn khiến đô thị có thêm sức sống mới, thể hiện được đặc trưng đô thị cũng như đặc điểm địa lý. Cải thiện diện mạo bản thân đô thị ngoài tiến hành sáng tạo trong thiết kế không gian xanh bên đường, còn cần cải tạo theo hướng bản địa hóa từ góc độ nhân văn và lịch sử.

3. Tăng cường giám sát về điểm thiết kế quan trọng

Trong quá trình thiết kế cảnh quan xanh cho đường đô thị, cần vận dụng các phương pháp khoa học, hiệu quả để nắm bắt được các điểm quan trọng trong thiết kế, tránh xuất hiện những tổn thất không đáng có trong quá trình thi công.

III. Kết luận

Đưa các nhân tố thiết kế cảnh quan vào trong quy hoạch đường đô thị giúp nâng cao quy hoạch và xây dựng hệ thống đường đô thị hóa, cải thiện môi trường cư trú tại đô thị, cung cấp không gian đầy đủ và động lực trong phát triển đô thị. Sáng tạo trong quy hoạch đường đô thị và thiết kế cảnh quan đô thị chính là lợi dụng sự kết hợp giữa chúng để tăng cường quy hoạch và xây dựng đường đô thị một cách khoa học và khả thi, giúp thiết kế cảnh quan đô thị trở nên hoàn mỹ và khoa học hơn.

Trương Văn

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 3/2015

ND: Kim Nhạn

Hội thảo Tham vấn Báo cáo cuối kỳ xây dựng Chiến lược Phát triển đô thị quốc gia

Ngày 3/8/2016, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng phối hợp với Liên minh Các thành phố (Cities Alliance) tổ chức Hội thảo Tham vấn Báo cáo cuối kỳ xây dựng Chiến lược Phát triển đô thị quốc gia (giai đoạn I). Dự Hội thảo có ông Nguyễn Tường Văn - Cục trưởng Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng); ông D. Ajay Suri - đại diện lãnh đạo Liên minh Các thành phố; đại diện Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB); các chuyên gia trong lĩnh vực đô thị trong nước, quốc tế và đại diện lãnh đạo Sở Xây dựng một số địa phương.

Hội thảo được tổ chức nhằm mục đích tiếp thu những ý kiến đóng góp của các đại biểu cho những báo cáo kết quả nghiên cứu của các chuyên gia, bao gồm: Báo cáo phân tích tổng quan và toàn diện về khung chính sách, pháp luật hiện hành về phát triển đô thị; Báo cáo đánh giá thực trạng phát triển đô thị Việt Nam thông qua việc phân tích kết quả điều tra, khảo sát đa ngành tại các đô thị được lựa chọn; Báo cáo rà soát những kinh nghiệm quốc tế về chính sách, chiến lược phát triển đô thị quốc gia, vùng lãnh thổ để tìm ra những bài học cụ thể, có thể áp dụng được tại Việt Nam; Báo cáo dự thảo đề cương phát triển Chiến lược trong giai đoạn tiếp theo.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, ông Nguyễn Tường Văn cho biết: Từ cuối những năm 1990, Chính phủ Việt Nam đã quan tâm và ban hành khung pháp lý nhằm hướng dẫn, điều tiết và kiểm soát quá trình phát triển đô thị, như: Năm 1998, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch chung Phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020. Sau đó là việc ban hành Luật Quy hoạch đô thị, Nghị định về phân loại đô thị, về quản lý đầu tư phát triển đô thị và nhiều quy hoạch, chương trình, chiến lược.

Những năm gần đây, khung pháp lý liên quan đến phát triển đô thị đã từng bước được



Ông Nguyễn Tường Văn phát biểu tại Hội thảo nhà nước hoàn thiện và trở thành công cụ quản lý phát triển đô thị hữu hiệu cho các cơ quan chức năng trong việc điều tiết các lĩnh vực quản lý nhà nước về đô thị: Từ quy hoạch đô thị, thực hiện quy hoạch đô thị, phân loại đô thị, quản lý đầu tư phát triển đô thị cho đến phát triển đô thị bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu, từ nâng cấp cơ sở hạ tầng đô thị đến nhà ở cho người dân, người có thu nhập thấp, nâng cấp các khu nghèo trong đô thị.

Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, ông Nguyễn Tường Văn cũng nêu lên một số bất cập trong lĩnh vực phát triển đô thị ở Việt Nam, như: Sự phối hợp và liên kết giữa các địa phương, giữa các vùng và khu vực trong quá trình lập và thực hiện quy hoạch đô thị còn chưa hiệu quả, khó khăn trong dự báo tốc độ đô thị hóa... Những khó khăn này đặt ra yêu cầu Việt Nam phải chủ động hoàn thiện hệ thống khung pháp lý, chính sách của cơ quan quản lý nhà nước Trung ương và địa phương.

Theo ông Nguyễn Tường Văn, nhờ sự hỗ trợ về nguồn lực cũng như về chuyên môn của Liên minh Các thành phố, sự giúp đỡ của các cơ quan, tổ chức và các chuyên gia trong nước và quốc tế, Bộ Xây dựng đã đề xuất và triển khai thực hiện xây dựng Chiến lược phát triển đô thị quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn 2030. Đây được coi là một công cụ giúp Chính phủ Việt

Nam tăng cường kiểm soát công tác phát triển đô thị, tạo tiền đề, cơ sở lý luận phục vụ các quyết định về phát triển đô thị trong tương lai, thu hẹp khoảng cách giữa các mục tiêu phát triển nêu trong Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam.

Trình bày tổng quan khung pháp lý và chính sách phát triển đô thị hiện có của Việt Nam và ý nghĩa đối với Chiến lược Phát triển đô thị quốc gia, ông Lawrie Wilson - Tư vấn quốc tế của Ban QLDA Chương trình Chiến lược Phát triển đô thị quốc gia cho biết: Vấn đề cơ bản đối với những dự án phát triển đô thị gần đây ở các thành phố lớn của Việt Nam là những quan ngại xoay quanh cường độ của những đề xuất phát triển cả về mật quy mô và mật độ. Vì những thành phố lớn ở Việt Nam (cụ thể như Hà Nội và TP Hồ Chí Minh) đều có những vấn đề chính hiện hữu như: Bất cập trong hệ thống thoát nước và chống ngập úng, bất cập trong dự phòng không gian đường bộ để xảy ra tình trạng ùn tắc thường xuyên, bất cập trong việc đảm bảo không gian xanh trong cộng đồng khi so với tiêu chuẩn đề ra, tiện ích đô thị có nguy cơ bị giảm đi vì tác động của biến đổi khí hậu, cùng với những ảnh hưởng khác từ môi trường như hiệu ứng đảo nhiệt... Việc phê duyệt các dự án tái phát triển quy mô lớn và mật độ cao ở các khu vực nội đô chưa thống nhất với những thực hành quản lý đô thị khi xem xét đơn giản về lợi ích kinh tế.

Theo ông Lawrie Wilson, Chiến lược Phát triển đô thị quốc gia được đề xuất như là một cơ chế tiêu chuẩn để tái tập trung và cải cách các quy trình quản lý và quy hoạch đô thị hiện tại thành các quy trình mới đặc biệt chú trọng vào việc đưa kinh tế phát triển sôi động ở các thành phố để phù hợp với bối cảnh kinh tế, chính trị và văn hóa Việt Nam ở thế kỷ XXI. Do đó, Chiến lược này sẽ là công cụ chính để quản lý và hướng dẫn phát triển đô thị trong quan hệ đối tác với chính quyền quản lý ở cấp tỉnh và địa



Quang cảnh Hội thảo

phương và sẽ làm cơ sở để huy động nguồn lực phát triển hệ thống đô thị quốc gia hiệu quả hơn nữa.

Dự án xây dựng Chiến lược Phát triển đô thị quốc gia, giai đoạn I bao gồm các nội dung chính như sau: Thực hiện các công tác rà soát, cập nhật, bổ sung dữ liệu đô thị, phân tích thực trạng phát triển đô thị cả nước, phân tích khung chính sách, pháp lý về phát triển đô thị, nghiên cứu đưa ra các mục tiêu chính làm cơ sở cho việc xây dựng dự án giai đoạn tiếp theo.

Cũng tại Hội thảo, ông Nguyễn Tường Văn cho biết Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt danh mục Dự án Phát triển đô thị thích ứng và bền vững do Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) tài trợ. Trong đó, bao gồm giai đoạn II - giai đoạn hoàn thành việc xây dựng Chiến lược phát triển đô thị quốc gia.

Sau Hội thảo, Bộ Xây dựng sẽ tổng hợp từ những nghiên cứu, những đóng góp của các chuyên gia để tiếp tục hoàn thiện các Báo cáo làm cơ sở cho việc xây dựng Chiến lược phát triển đô thị quốc gia trong giai đoạn tiếp theo, với mục tiêu là hoàn thiện hệ thống chính sách về phát triển đô thị, góp phần phát triển đô thị bền vững, nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế xã hội của hệ thống đô thị Việt Nam, qua đó nâng cao chất lượng môi trường sống cho người dân.

Trần Đình Hà - Hoàng Hạnh

Hội nghị công bố Quy hoạch xây dựng vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn đến năm 2030

Sáng ngày 5/8/2016, tại TP Thái Nguyên, Bộ Xây dựng chủ trì phối hợp với UBND các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Kạn đã tổ chức Hội nghị công bố Quy hoạch xây dựng vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 17/3/2016. Tham dự Hội nghị có đại diện lãnh đạo UBND tỉnh, các sở, ngành trong vùng quy hoạch; các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn chủ trì Hội nghị.

Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, vùng quy hoạch ATK có quy mô diện tích khoảng 5.692km², bao gồm 8 đơn vị hành chính cấp huyện: Định Hóa, Đại Từ và Phú Lương của tỉnh Thái Nguyên; các huyện Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hóa và thành phố Tuyên Quang của tỉnh Tuyên Quang; huyện Chợ Đồn của tỉnh Bắc Kạn. Vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn được phân ra thành 4 tiểu vùng: Tiểu vùng trọng tâm ATK; tiểu vùng phía Bắc; tiểu vùng phía Nam; tiểu vùng thành phố Tuyên Quang, trong đó, tiểu vùng trọng tâm ATK là khu vực có ý nghĩa quan trọng và có giá trị rất lớn về phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, du lịch và an ninh quốc phòng.

Theo quy hoạch, vùng chiến khu cách mạng ATK có nhiều địa danh gắn với các di tích cách mạng gắn với các khu vực cần bảo tồn nằm trong vùng ATK và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử. Đây còn là vùng phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp, khai thác phát triển du lịch. Quy hoạch có nhiều nội dung định hướng cụ thể về phát triển hệ thống đô thị, dân cư nông thôn; không gian vùng, khu vực di tích; du lịch, văn hóa; hệ thống hạ tầng xã hội; các vùng nông



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn phát biểu tại Hội nghị

nghiệp, công nghiệp, quốc phòng, an ninh... cho cả vùng đến năm 2030. Đến năm 2020, vùng ATK sẽ có 18 đô thị trên cơ sở nâng cấp, mở rộng 10 đô thị hiện có và hình thành mới 08 đô thị, trong đó có 01 đô thị loại III (thành phố Tuyên Quang), 03 đô thị loại IV và 14 đô thị loại V; Đến năm 2030, vùng ATK có 25 đô thị, trong đó có 01 đô thị loại II (thành phố Tuyên Quang), 05 đô thị loại IV và 19 đô thị loại V.

Quy hoạch vùng ATK đề ra các định hướng phát triển không gian vùng, khu vực di tích. Theo đó, đối với khu vực bảo vệ di tích gốc, các hoạt động bảo tồn, khai thác phát huy giá trị di tích tuân thủ theo quy định của Luật Di sản văn hóa; Đối với vùng bảo vệ cảnh quan bao gồm toàn bộ không gian vật thể có ảnh hưởng trực tiếp đến khung cảnh di tích gốc, các hoạt động bảo tồn gồm: Bảo vệ địa hình, địa mạo tự nhiên và hệ sinh thái xung quang di tích; giữ gìn cấu trúc làng xóm, kiến trúc truyền thống kết hợp khai thác du lịch; phát triển nông, lâm nghiệp và nghề truyền thống; phát triển dịch vụ, du lịch, văn hóa gắn với bảo tồn, phát huy giá trị di tích và nâng cao đời sống, kinh tế xã hội khu vực dân cư trong vùng; Đối với vùng trọng tâm ATK: Bảo tồn địa thế, thể trận cách mạng và những giá trị trong cách thức tổ chức chiến lược thời kỳ



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn trao Hồ sơ quy hoạch cho đại diện lãnh đạo 3 tỉnh trong vùng quy hoạch

kháng chiến, bảo tồn các văn hóa đặc trưng như lễ hội, hát, thơ ca, chuyện kể... là các giá trị văn hóa, lịch sử đặc trưng của vùng ATK. Đối với các khu vực trọng điểm, ưu tiên tập trung vào việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng; đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với công nghệ mới trong sản xuất để nâng cao hiệu quả lao động và sản phẩm; ưu tiên phát triển ngành nông nghiệp tạo thương hiệu phục vụ du lịch như chè, lúa...

Về định hướng phát triển du lịch, văn hóa, quy hoạch vùng ATK đề xuất phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm, với các loại hình chủ yếu như du lịch văn hóa tín ngưỡng, giáo dục truyền thống cách mạng, nghiên cứu, tham quan nghỉ dưỡng, sinh thái; phát triển các sản phẩm du lịch phù hợp với loại hình du lịch và tính chất của vùng, phát huy tiềm năng lợi thế của vùng, ưu tiên phát triển các sản phẩm địa phương như làng nghề truyền thống, sản vật địa phương có thương hiệu, lễ hội, thơ ca...; duy trì và xây dựng không gian công cộng trong thôn bản dành cho hoạt động văn hóa cộng đồng và các lễ hội đặc trưng; đẩy mạnh liên kết du lịch vùng ATK với các khu du lịch quốc gia thuộc các tỉnh lân cận như Đền Hùng - ATK-Pác Bó, Hồ Núi Cốc - ATK - Hồ Ba Bể, Tam Đảo - ATK - Na Hang, TK - Thác Bà... Vùng quy hoạch cần hợp tác, gắn kết chặt chẽ để



Toàn cảnh Hội nghị

cùng thực hiện hiệu quả theo Đồ án quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đáp ứng kỳ vọng của nhân dân về phát triển kinh tế - xã hội vùng ATK.

Theo Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn, việc thực hiện tốt quy hoạch được phê duyệt cũng chính là thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa đồng bào các dân tộc vùng chiến khu cách mạng còn đang gặp nhiều khó khăn, vất vả.

Trong công tác triển khai thực hiện quy hoạch, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đề nghị các tỉnh trong vùng sớm đề xuất với Chính phủ các cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển vùng phù hợp với điều kiện địa phương; trên cơ sở quy hoạch được công bố, triển khai các quy hoạch phân khu.

Về định hướng phát triển du lịch, văn hóa vùng chiến khu cách mạng ATK, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đề nghị 3 địa phương trong vùng quy hoạch nghiên cứu cách làm hiệu quả để khai thác được cảnh quan du lịch trong toàn vùng chứ không phải chỉ riêng những di tích lịch sử; các tỉnh trong vùng, cần thiết thì nên mời các chuyên gia trong và ngoài nước có kinh nghiệm theo từng lĩnh vực chuyên ngành: kinh tế, nông lâm nghiệp, dịch vụ - thương mại, du lịch đến khảo sát, tham vấn, đề xuất phương án khả thi, đổi mới cách làm mang lại hiệu quả, cụ thể hóa việc triển khai quy hoạch.

Ninh Hạnh

Hội nghị công bố “Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050”

Sáng ngày 11/8/2016, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị công bố “Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016. Tham dự Hội nghị có đại diện Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan cùng đại diện lãnh đạo TP Hà Nội và 9 tỉnh trong vùng quy hoạch là Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên và Bắc Giang; các Hội và Hiệp hội chuyên ngành; các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn chủ trì Hội nghị.

Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì phạm vi Vùng Thủ đô Hà Nội có tổng diện tích khoảng 24.314,7km², gồm toàn bộ ranh giới của Thủ đô Hà Nội và 9 tỉnh xung quanh là Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên và Bắc Giang (trong đó Phú Thọ, Thái Nguyên và Bắc Giang là 3 tỉnh được mở rộng so với Quyết định số 490/2008/QĐ-TTg ngày 05/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ).

Mục tiêu của Điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm: Đáp ứng các yêu cầu phát triển, công tác quản lý quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội có sự phân công, hợp tác, chia sẻ và liên kết giữa các địa phương trong Vùng; đảm bảo phân bổ nguồn lực quốc gia có hiệu quả; hạn chế những mặt trái của quá trình đô thị hóa đến môi trường sống, tác động của biến đổi khí hậu nhằm xây dựng Vùng phát triển thịnh vượng và có môi trường bền vững; đáp ứng nhu cầu xây dựng đồng bộ và hiện đại hệ thống mạng lưới hạ tầng kỹ thuật và xã hội của Vùng, tạo điều kiện cho



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn trao Hồ sơ quy hoạch cho đại diện các tỉnh trong Vùng Thủ đô

các đô thị tiếp tục phát huy vai trò là những hạt nhân tạo động lực thúc đẩy phát triển cho các khu vực xung quanh về kinh tế, văn hóa - xã hội; phát triển cân bằng giữa đô thị và nông thôn; bảo đảm quốc phòng - an ninh; làm cơ sở cho lập và điều chỉnh các quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, vùng dọc tuyến đường vành đai, cao tốc liên tỉnh, các vùng và khu chức năng đặc thù, quy hoạch chung các đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới và các quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật; là cơ sở lập dữ liệu phục vụ công tác quản lý, đề xuất cơ chế chính sách và mô hình quản lý Vùng.

Theo quy hoạch đã điều chỉnh thì Vùng Thủ đô Hà Nội là vùng phát triển kinh tế tổng hợp, có Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước; có ý nghĩa quốc tế quan trọng trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trong đó, Thủ đô Hà Nội, tỉnh Vĩnh Phúc và Bắc Ninh có vị trí trung tâm của toàn Vùng với các thế mạnh về công nghiệp, đào tạo, nguồn nhân lực và các điều kiện hạ tầng; các chức năng cấp vùng, quốc gia và quốc tế được tăng cường thông qua việc thiết lập các trung tâm tài chính - thương mại, nghiên cứu -

phát minh khoa học, hội nghị hội thảo, thể dục thể thao, không gian di sản và du lịch quốc tế. Các tỉnh trong Vùng trên cơ sở vị trí, vai trò, điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội cùng với những đặc trưng và lợi thế riêng cùng chia sẻ chức năng, hỗ trợ phát triển để khai thác tối đa và hiệu quả các tiềm năng, động lực của các địa phương trong vùng.

Trên cơ sở vị trí, vai trò, Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội, các tỉnh trong Vùng tạo thành các mối liên kết với những đặc trưng và lợi thế riêng, chia sẻ chức năng, hỗ trợ phát triển để khai thác tối đa và hiệu quả các tiềm năng, động lực của các địa phương trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của từng tỉnh và toàn Vùng.

+ Hà Nội với vị thế Thủ đô, trung tâm đầu não chính trị, hành chính của quốc gia; là trung tâm văn hóa, giáo dục đào tạo và khoa học kỹ thuật quan trọng của cả nước; là một trong những trung tâm kinh tế, du lịch, thương mại, dịch vụ của khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Phát huy vai trò là trung tâm động lực chính, đầu mối liên kết quản lý, kinh doanh, nghiên cứu và phát triển kinh tế - xã hội, tập trung hình thành các trung tâm thương mại tài chính lớn của quốc gia (Trung tâm tài chính Bắc Sông Hồng; Trung tâm hội chợ; Trung tâm hành chính, thương mại, văn hóa Tây Hồ Tây...), các khu nghiên cứu - đào tạo công nghệ cao (Khu công nghệ cao Hòa Lạc; Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc...); Trung tâm văn hóa - lịch sử lớn (Hoàng Thành Thăng Long; Vườn Quốc gia Ba Vì...); đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa của Thủ đô Khoảng từ 65 - 70%.

+ Vĩnh Phúc phát triển kinh tế tổng hợp về công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp sinh thái gắn với các đầu mối giao thông quan trọng của khu vực phía Bắc và cả nước; tăng cường phát triển các chức năng về thương mại, trung chuyển hàng hóa (logistics tại Bình Xuyên, Tân Tiến - Vĩnh Tường...), du lịch sinh thái nghỉ dưỡng (Tam Đảo - Tây Thiên, Tam Đảo 2, Đại



Toàn cảnh Hội nghị

Lải, Đầm Vạc, hồ Sáu Vó, Vân Trục...), y tế và đào tạo chất lượng cao (Khu đô thị đại học Vĩnh Phúc)...; đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa khoảng từ 63 - 68%.

+ Bắc Ninh phát triển kinh tế tổng hợp về dịch vụ, du lịch văn hóa, công nghiệp, tập trung vào kinh tế tri thức (giáo dục - đào tạo, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ), trung tâm y tế - nghỉ dưỡng của Vùng; tăng cường phát triển các chức năng về thương mại (Trung tâm thương mại Bắc Ninh, logistics cấp Vùng...), du lịch văn hóa - lịch sử (thành phố Bắc Ninh, Từ Sơn, chùa Phật Tích, núi Dạm, hành lang sông Cầu...), đào tạo công nghệ cao (Yên Phong)...; đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa khoảng từ 55 - 60%.

Các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên và Hà Nam, là các tỉnh thuộc Đông Nam đồng bằng sông Hồng. Phát huy các lợi thế tiếp cận cửa ngõ và hệ thống giao thông hướng biển (hành lang Hà Nội - Phố Nối - Hải Dương - Hải Phòng), tam giác kinh tế phía Nam Hà Nội (Hưng Yên - Đồng Văn - Phủ Lý); phát triển các dịch vụ công nghiệp - đô thị kết nối trung tâm Vùng Thủ đô Hà Nội với cửa ngõ kinh tế biển; phát triển các khu công nghiệp sạch, công nghiệp hỗ trợ, logistics, trung tâm thương mại, y tế, đào tạo, thể dục thể thao, chế biến nông phẩm cấp vùng.

+ Hải Dương phát triển về y tế và giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, du lịch (Côn Sơn - Kiếp Bạc, Kinh Môn...), dịch vụ đô thị và công nghiệp (nguồn nhân lực qua đào tạo, dịch vụ tiếp vận, hậu cần cảng...) phía Đông của Vùng Thủ

đô Hà Nội và Vùng đồng bằng sông Hồng; đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 55 - 60%.

+ Hưng Yên phát triển về công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; trung tâm cấp vùng về giáo dục đào tạo (khu đô thị đại học Phố Hiến), dịch vụ hỗ trợ phát triển nông nghiệp (Phù Cừ, Tiên Lữ, Yên Mỹ...) và dịch vụ trung chuyển hàng hóa (Lạc Đạo, Bô Thời - Dân Tiến) phía Đông Nam của Vùng Thủ đô Hà Nội; đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 50 - 55%.

+ Hà Nam phát triển về y tế và giáo dục đào tạo (Khu đô thị đại học Nam Hà Nội), du lịch quốc gia (Tam Chúc - Ba Sao, Kim Bảng...), dịch vụ trung chuyển hàng hóa (logistics tại Đồng Văn) phía Nam của Vùng Thủ đô Hà Nội; có vai trò cửa ngõ quan trọng của Vùng đối với các tỉnh phía Nam của Vùng đồng bằng sông Hồng; đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 47 - 52%.

Các tỉnh Hòa Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên và Bắc Giang là các tỉnh trung du miền núi. Đây là vùng cửa ngõ chuyển tiếp giữa Vùng Thủ đô Hà Nội với Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc.

+ Hòa Bình đóng vai trò là vùng sinh thái, bảo vệ môi trường, đảm trách những chức năng chính về hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, liên vùng (cấp điện, cấp nước, điều tiết lũ, bảo vệ nguồn nước...); bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể (văn hóa Mường, Thái, Dao...); phát triển các trung tâm du lịch - đô thị dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng (hồ Hòa Bình, Mai Châu, Lương Sơn, Kỳ Sơn, Kim Bôi...); đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 43 - 48%.

+ Phú Thọ phát triển các vùng du lịch văn hóa di sản, du lịch sinh thái (Đền Hùng, Xuân Sơn...), dịch vụ thương mại cửa ngõ phía Tây Bắc của Vùng (logistics tại thành phố Việt Trì)...; đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 48 - 53%.

+ Thái Nguyên phát triển về y tế, giáo dục đào tạo chất lượng cao cho Vùng Thủ đô Hà

Nội và toàn quốc, du lịch quốc gia (hồ Núi Cốc, ATK...), công nghiệp công nghệ cao tại khu vực phía Nam của tỉnh, sản xuất các sản phẩm nông lâm nghiệp chất lượng cao tại các huyện phía Bắc của tỉnh; là trung tâm phát triển kinh tế, văn hóa, thể dục thể thao, giáo dục, khoa học kỹ thuật, y tế, du lịch, dịch vụ của Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc; đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 45 - 50%.

+ Bắc Giang là cửa ngõ xuất nhập khẩu, trung tâm tiếp vận - trung chuyển hàng hóa của Vùng Thủ đô Hà Nội với cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Lạng Sơn), phát triển du lịch (Tây Yên Tử, Hồ Khuôn Thần, Hồ Cấm Sơn...); là đầu mối kinh doanh - thương mại quan trọng của Vùng với các tỉnh Đông Bắc của Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc; đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 40 - 45%.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn cho biết, điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với mục tiêu cơ bản là kết nối hạ tầng vùng, bao gồm: Giao thông, hạ tầng xã hội (y tế, giáo dục...); Quy hoạch Vùng Thủ đô cũng là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc quản lý đầu tư xây dựng phát triển đô thị cấp Vùng và phát huy mạnh mẽ, có hiệu quả mọi tiềm năng, thế mạnh của các tỉnh trong Vùng Thủ đô để phát triển kinh tế - xã hội, từng bước nâng cao điều kiện sống của nhân dân; dịch vụ công cộng, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị, phát triển nông thôn.

Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đề nghị các địa phương trong Vùng quy hoạch cần tập trung chỉ đạo việc điều chỉnh các đồ án quy hoạch liên quan và ưu tiên triển khai thực hiện các chương trình dự án cấp Vùng có vai trò tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, các tỉnh cũng cần quản lý chặt chẽ và có hiệu quả việc đầu tư phát triển Vùng theo đúng quy hoạch được duyệt.

Ninh Hạnh

Phân tích một số sai lầm cơ bản trong quy hoạch đô thị của các nước châu Âu thế kỷ XX

Những thành phố do con người kiến tạo nên, song bản thân con người cũng không tránh khỏi nhiều sai sót. Điều gì sẽ xảy ra nếu một thành phố thủ phủ của cả một quốc gia lại được xây dựng theo các nguyên tắc xây dựng nông thôn? Và giữa trung tâm lịch sử “sùng sững” những tòa nhà chọc trời? Tác giả bài báo sẽ nêu ra một số ví dụ điển hình nhất tại các thành phố của châu Âu.

Thế kỷ XX được coi là khoảng thời gian có nhiều biến động xã hội nhất trong lịch sử phát triển của nhân loại. Và bộ mặt các đô thị lớn được kiến thiết trong thế kỷ XX là tấm gương phản ánh rất trung thực những biến động này. Chiến tranh và các cuộc cách mạng liên miên đã khiến các khu dân cư bị tàn phá nặng nề và được xây mới sau đó, song không hoàn toàn như đã từng hiện hữu. Sự can thiệp thô bạo vào quá trình hình thành và phát triển tự nhiên của các đô thị đôi khi dẫn tới những hệ quả tiêu cực.

“ Brusselization”

Trong lĩnh vực kiến trúc có một thuật ngữ khá phổ biến - “brusselization” ra đời từ sự phát triển và tái phát triển lộn xộn của Thủ đô Brussels (Bỉ) suốt những năm 60 - 70 thế kỷ XX. Sau chiến tranh thế giới II, thành phố bị tàn phá nghiêm trọng, tuy nhiên Chính quyền thành phố thời kỳ đó đã đưa ra những giải pháp quy hoạch thiếu định hướng, dẫn đến sự xung đột sâu sắc giữa các phong cách kiến trúc hiện đại và truyền thống. Nhiều công trình có giá trị về kiến trúc bị hủy hoại; nhiều công trình cao tầng, trung tâm thương mại lần lượt mọc lên thế chỗ cho các tòa nhà cổ kính. Một tác nhân nữa khiến thành phố càng thay đổi hơn diện mạo của mình là Hội chợ triển lãm Quốc tế năm 1958. Đó là cuộc triển lãm quy mô lớn đầu tiên sau chiến tranh, và có tác động không nhỏ tới cuộc sống đô thị vốn chưa hoàn toàn hồi phục



Không gian cổ kính của Brussel bị xâm phạm bởi những công trình cao tầng hiện đại

do dư chấn chiến tranh. Để chuẩn bị cho World Expo 58, nhiều tòa nhà kiến trúc đẹp còn có thể khôi phục đã bị phá bỏ hoàn toàn, những cao ốc văn phòng - căn hộ hiện đại sùng sững mọc lên giữa các khu phố cổ; đường hầm và một số đại lộ mới được hình thành; cả thành phố là một công trường lớn, đặc biệt là khu vực phía bắc Brussels. Cho dù Expo 58 để lại nhiều dấu ấn (tiêu biểu là Atomium - công trình kỷ niệm phục vụ cho Hội chợ; về sau trở thành biểu tượng độc đáo của Thủ đô), nhiều kiến trúc sư và các nhà xây dựng đương thời đã phê phán sự vội vàng, thiếu cân nhắc của Chính quyền thành phố trong công tác quy hoạch đô thị thời gian này.

Trong thời kỳ này, sự gia tăng dân số và số lượng xe hơi trên các đường phố đã thúc đẩy các nhà quy hoạch đô thị cải tạo hoàn toàn khu vực trung tâm; đổ bê tông nhựa at phan tại một số tuyến phố chính, trước đó để các xe ủi đất hạng nặng hoạt động tại những ô phố cổ kính. Một Brussels mới được định hình với vật liệu chủ đạo là kính và bê tông, cho tới tận bây giờ thực sự chưa thể lấy lại vẻ ngoài “ưa nhìn” nhất cho thành phố. “Brusselization” trở thành cách gọi cho phương pháp tái thiết và phát triển thiếu định hướng quy hoạch tại tất cả các thành phố, thị trấn trên thế giới. Thuật ngữ này cũng rất



Bức tranh "lộn xộn" giữa hiện đại và truyền thống trong xây dựng tại Brussel

đúng với hiện trạng của Thủ đô Vienna (Áo) sau chiến tranh - nơi công cuộc tái thiết diễn ra tương tự như Brussels.

Thành phố - làng quê

Thủ đô Minsk (Belorussia) có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời từ giữa thế kỷ XI, song không thể gọi là thành phố cổ. Chiến tranh thế giới II đã biến thành phố cổ kính xinh đẹp thành một đồng đống nát; và sau đó, một đô thị hoàn toàn mới được nhanh chóng xây dựng. Có thể nói Minsk là tác phẩm trọn vẹn của các kiến trúc sư Xô viết. Đó là những công dân ưu tú đương thời, có tâm, song thiếu tầm nhìn để đưa ra những dự báo có chất lượng về sự gia tăng dân số, nhận diện trước một số tình huống cũng như giải pháp quy hoạch cho các tình huống đó trong tương lai. Sai lầm lớn nhất trong quy hoạch đô thị của Minsk là: Trung tâm thành phố được biến thành một nút mở giao thông khổng lồ.

Khác với các thành phố được hình thành một cách tự nhiên, từ trung tâm tới ngoại ô Minsk có kết cấu các khu vực dân sinh đặc trưng của một làng quê - nhịp sống diễn ra dọc theo một số tuyến phố chính. Tại Minsk, không khó để nhận ra sơ đồ, thành phố được hình thành dọc theo trục các đại lộ Độc lập và Người chiến thắng. Mô hình này có một nhược điểm lớn - giao thông của toàn thành phố cần trung chuyển qua khu vực trung tâm. Điều này ảnh hưởng tiêu cực đến hiện trạng sinh thái, đồng thời là



Cuộc sống đô thị của Minsk được hình thành dọc theo các Đại lộ chính - từ cửa ngõ tới tận trung tâm - khiến giao thông đô thị luôn đông đúc nguyên nhân phát sinh ùn tắc trong nội đô.

Thành phố lịch sử không có trung tâm lịch sử

Thành phố Berlin (CHLB Đức) đóng vai trò then chốt trong lịch sử hiện đại của châu Âu, song điều khiến nhiều người bất ngờ là thành phố không có trung tâm lịch sử. Giai đoạn giữa các cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất và thứ hai, khu vực trung tâm Berlin từng có diện mạo đặc trưng của phần lớn các thành phố Tây Âu - những con phố dài và hẹp, nhiều công trình di tích từ thời Trung Cổ... Kiến trúc cổ điển của khu vực trung tâm đã bị xâm phạm nhiều bởi Hitle và chế độ Đức Quốc xã, với tham vọng đưa Berlin trở thành thủ phủ của một đế chế hùng mạnh. Và sự tàn phá cuối cùng khiến khu vực trung tâm bị xóa hẳn trên bản đồ chính là những ngày tháng cuối cùng của cuộc chiến tranh - khi Hồng quân Liên Xô tiến thẳng vào Berlin tháng 5 năm 1945.

Cho dù Berlin chưa bị tàn phá hoàn toàn bởi bom đạn, chính sách quy hoạch đô thị thời kỳ này cũng không xem xét việc tái thiết những công trình đã bị phá hủy. Ngày nay, khu vực trung tâm Berlin là một mạng lưới những mô phỏng các công trình khu vực trung tâm cũ, bị gián đoạn bởi các vườn hoa và công viên mới xây, về mặt mỹ quan khá tẻ nhạt.

Saint Peterburg với các mâu thuẫn nội tại

Một trong những thành phố đẹp nhất của



Trung tâm lịch sử cũ của Berlin trước Chiến tranh thế giới II



Berlin ngày nay

châu Âu, “Thủ đô phương Bắc” của nước Nga cũng không tránh được những sai lầm đáng tiếc trong chính sách quy hoạch và thiết kế đô thị. Rất nhiều bài báo, nhiều công trình khoa học đã đề cập tới vấn đề này từ nhiều năm nay; song điều cần suy ngẫm ở đây là số lượng những “hạt sạn” như vậy ngày càng nhiều hơn, và nhiều



Những công trình xây mới đang dần lấn chiếm không gian lịch sử của Saint Peterburg nhất ở ngay trung tâm lịch sử của thành phố. Thống kê gần đây của Chính quyền Saint Peterburg cho thấy có tới hơn 70 công trình cao tầng mới (con số còn gia tăng trong tương lai) vi phạm thô bạo cảnh quan khu vực này. Trong số đó có nhiều công trình hiện đại như “Làng Thế vận hội” trên đảo Krestov, khách sạn Azimut, tổ hợp thương mại Monblance bên bờ sông Neva, Regent Hall trên quảng trường Vladimir... Điều làm người dân Saint Peterburg bất bình nhất là khối lượng lớn các công trình này đã gần như phá vỡ không gian lịch sử vốn có - niềm tự hào không chỉ của công dân thành phố mà của mỗi người dân Nga.

Dmitri Valenko

Nguồn: Tạp chí Quy hoạch đô thị Nga (tháng 1/2015)

ND: Lê Minh

Trung Quốc thúc đẩy phát triển xây dựng xanh

Trong tương lai đô thị là chiến trường chính để thúc đẩy cuộc cách mạng năng lượng, giảm thoát thải tiết kiệm năng lượng ứng phó với biến đổi khí hậu. Thúc đẩy phát triển xây dựng xanh vẫn là xu hướng tất yếu trong cả quá trình phát triển đô thị. Theo thống kê, 85% lượng khí thải cacbon dioxid nhân tạo là do đô thị thải ra, tiến hành cải tạo tiết kiệm năng lượng và nỗ lực phát

triển xây dựng xanh đối với những công trình kiến trúc hiện có là đường lối và chiến lược quan trọng của công tác xây dựng đô thị sinh thái cacbon thấp đặc sắc của Trung Quốc. Xây dựng xanh không chỉ có ý nghĩa mang tới những công trình kiến trúc xanh hóa mà còn mang tới khả năng tiết kiệm năng lượng, đất đai, nước, nguyên vật liệu, bảo vệ môi trường

và giảm ô nhiễm tới mức tối đa trong chu kỳ tuổi thọ của những công trình kiến trúc, đồng thời có thể cung cấp cho con người một không gian sinh hoạt làm việc lành mạnh, thích hợp và có hiệu quả cao. Tháng 3 năm 2014, từ lúc Bộ xây dựng đô thị nông thôn và nhà ở đưa ra công tác nỗ lực phát triển xây dựng xanh và thực hiện công trình cải thiện hiệu quả năng lượng xây dựng đến nay, tốc độ phát triển nhanh chóng của kiến trúc xây dựng xanh ở Trung Quốc cùng với số lượng dự án tiêu chí được đánh giá là xây dựng xanh từ đầu đến cuối duy trì ở trạng thái tăng trưởng mạnh. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, toàn quốc đã tổng kết đánh giá được 3194 dự án tiêu chí đánh giá xây dựng xanh, có tổng diện tích xây dựng đạt tới 360 triệu m².

1. Xây dựng xanh chỉ mới bắt đầu nên còn rất nhiều vấn đề cần quan tâm

Xây dựng xanh trong quá trình phát triển đô thị của Trung Quốc có hiệu quả như thế nào? Tình hình tiêu hao năng lượng, chi phí tăng thêm, độ thỏa mãn có đạt tới mục tiêu thiết kế hay không?... Đây đều là những vấn đề quan trọng mà toàn xã hội cần quan tâm. Khi đánh giá và thực thi hiệu quả cần dựa vào: Phương án kỹ thuật kinh tế hợp lý, vận hành ổn định thiết bị và hệ thống, môi trường trong ngoài tốt không bị ô nhiễm và thiết kế chi tiết xây dựng cần làm cho hoàn thiện... để làm thước đo đánh giá. Trong quá trình thực hiện vấn đề sử dụng hợp lý chi phí tăng thêm là một trong những vấn đề quan trọng và trực tiếp nhất, lấy khoản chi phí có hạn dùng vào khâu và bộ phận quan trọng nhất của quá trình xây dựng xanh, tốt hơn nữa là có thể làm phát huy hiệu quả của xây dựng xanh. *Đầu tiên*, phần lớn công trình xây dựng xanh của Trung Quốc do đầu tư chi phí tăng thêm vào việc nâng cấp chất lượng môi trường bên trong không được đầy đủ, thiếu thiết bị sử dụng nguồn năng lượng mới, từ đó dẫn tới độ thích ứng của kiến trúc không được cao. *Hai* là một số kỹ thuật xanh cần sử dụng nguồn

năng lượng, nhân tài và tài nguyên vật liệu trong quá trình vận hành hàng ngày, duy trì có hiệu quả trong việc nâng cấp thay đổi và các chức năng... đều có thể phát sinh chi phí tăng thêm vượt hơn so với kiến trúc truyền thống, đặc biệt là đầu tư chi phí tăng thêm cho vận doanh không đủ cuối cùng dẫn tới quá trình duy trì thao tác vận hành của thiết bị không tới nơi tới chốn, bị tổn thất hỏng hóc không thể sửa chữa kịp thời. *Ba* là đầu tư vào biện pháp kỹ thuật thụ động không đủ, bao gồm nâng cấp kiến trúc kết cấu đường bao, chọn dùng kiến trúc ô che nắng...

Trong quá trình thực hiện xây dựng xanh còn tồn tại những vấn đề phức tạp hơn đó là những vấn đề về: Nhân tài, giám sát quản lý và chính sách. Văn kiện số 1 năm 2013 của quốc vụ viện đã đưa ra “ phương án hành động xây dựng xanh”, các quận huyện thị dựa vào phương án trên để thúc đẩy quy hoạch phát triển và thực hiện biện pháp xây dựng xanh, nhưng thúc đẩy phương án thực thi khả thi thiết thực phát triển xây dựng xanh còn cần phải hoàn thiện và làm cho đầy đủ; Trách nhiệm không rõ ràng trong quá trình giám sát quản lý của các cơ quan như xây dựng, đất đai, quy hoạch, bảo vệ môi trường, lâm viên và quản lý nhà ở... dẫn tới bộ phận chỉ tiêu kỹ thuật khó có thể giải quyết vấn đề; Công tác giám sát quản lý chu kỳ tuổi thọ của công trình kiến trúc không được chu đáo, chỉ chú trọng giám sát quản lý khâu thiết kế ban đầu, trong quá trình thi công thiếu sự giám sát quản lý nhân viên, kỹ thuật và chất lượng, mà khâu hoàn thành nghiệm thu không nghiêm ngặt dẫn tới những công trình kiến trúc xanh của Trung Quốc không đạt được yêu cầu thiết kế, ở giai đoạn vận doanh vì lý do đầu tư không đủ nên kiến trúc xanh chỉ là một hình thức đơn thuần; Thêm vào đó là tình trạng nhân tài chuyên nghiệp trong xây dựng xanh còn tương đối thiếu, trình độ kỹ thuật chuyên nghiệp không đủ, thị trường dịch vụ tư vấn về xây dựng xanh vẫn còn ở giai đoạn thai nghén,

không nhấn mạnh tới tác dụng chỉ đạo và hỗ trợ kỹ thuật, chỉ dừng lại ở bước sắp xếp báo cáo tài liệu, thậm chí là đưa ra những phán đoán sai lầm trong quá trình khai thác thương mại.

2. Dưới sự quản lý đầy đủ của các cơ quan có liên quan nhằm phát triển lành mạnh xây dựng xanh

Trong quá trình thực hiện phát triển xây dựng xanh ở Trung Quốc cần “dựa vào điều kiện của địa phương, khả năng kinh tế thích hợp” làm nguyên tắc, đưa ra tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc đối với hoạt động của các cơ quan có liên quan, tăng cường giám sát quản lý và chuẩn bị phương án cho chu kỳ tuổi thọ của kiến trúc xanh, hình thành hệ thống giám sát quản lý xây dựng xanh theo tiêu chuẩn bắt buộc; Do chính quyền các địa phương chịu trách nhiệm thực thi và phối hợp, nhằm vào các giai đoạn: Quy hoạch, thiết kế, kiểm tra bản vẽ thi công, thi công, nghiệm thu và vận doanh... để xác định rõ ràng trách nhiệm và phân công công việc tới các cơ quan quản lý hành chính có liên quan như xây dựng, phát triển và cải cách, đất đai, quy hoạch và môi trường...

Khi đồng thời tăng cường xây dựng hệ thống giám sát quản lý, các cấp chính quyền có thể thiết lập khoản chuyên mục về xây dựng xanh, khích lệ nghiên cứu có liên quan tới phương pháp thi công xây dựng xanh, sản phẩm và kỹ thuật tiết kiệm năng lượng, đồng thời thúc đẩy hợp tác giữa các doanh nghiệp với viện nghiên cứu khoa học và các trường đại học; Tăng cường tuyên truyền một cách chính xác tới

người dân về khái niệm xây dựng xanh, thông qua việc thúc đẩy những chính sách ưu đãi về miễn giảm thuế, sử dụng thị trường để khích lệ khai thác từ những nhà thương mại đầu tư xây dựng, đồng thời khuyến khích người tiêu dùng mua và sử dụng những công trình kiến trúc xanh theo hướng tích cực, thúc đẩy phát triển lành mạnh xây dựng xanh ở Trung Quốc.

Mục tiêu chu kỳ tuổi thọ của toàn công trình kiến trúc là phải luôn lấy con người làm chủ thể, nỗ lực tìm cách giảm chi phí tăng thêm, nâng cao hiệu quả thực hiện xây dựng xanh. Trước khi thiết kế cần dung hợp giữa kỹ thuật xây dựng xanh với thiết kế xây dựng thông thường, những khái niệm kỹ thuật và thiết kế xây dựng xanh cần được can thiệp trước khi đưa ra phương án thực hiện, cần kết hợp giữa thiết kế thụ động, kỹ thuật chủ động và phương án thiết kế; Trong quá trình thi công cần nỗ lực khởi xướng sử dụng kỹ thuật thụ động và nguyên vật liệu xây dựng thụ động, Trung Quốc đang nỗ lực phát triển “nhà ở thụ động” để tiết kiệm chi phí vận doanh; Trong quá trình vận doanh, sử dụng mô hình K+, chọn lựa biện pháp mới về vận doanh tập trung, nâng cao trình độ kỹ thuật vận doanh, giải quyết những vấn đề về thiếu vốn và trình độ không cao của nhân viên vận doanh trong xây dựng xanh.

Lý Tùng Tiểu

Theo Tạp chí Xây dựng Trung Quốc

số 24/2015

ND: Khánh Ly

Kinh nghiệm thúc đẩy xây dựng đô thị thấp cacbon của Nhật Bản

1. Biện pháp chủ yếu thúc đẩy xây dựng đô thị thấp cacbon của Nhật Bản

Trong thập niên 1970, khi cuộc khủng hoảng dầu mỏ thế giới làm giá dầu thô tăng cao, ngành năng lượng toàn cầu rơi vào bối cảnh cạnh tranh ngày càng khốc liệt, Nhật Bản

là nước đầu tiên triển khai chính sách năng lượng quốc gia, thực hiện nhiều loại hình dự án tiết kiệm năng lượng trong khu vực, xây dựng một nền tảng thể chế cho lĩnh vực xây dựng đô thị xanh theo mô hình thấp cacbon .

Theo số liệu thống kê của Bộ Kinh tế,

Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản (METI), từ năm 1973 đến 2013, GDP của Nhật Bản tăng 2,5 lần, đồng thời mức tiêu thụ năng lượng trên mỗi đơn vị GDP đã giảm 40% so với trước đó. Sau trận động đất và sự cố nhà máy điện hạt nhân tại Fukushima năm 2013, mức tiêu thụ năng lượng của Nhật Bản trên GDP giảm 0,9% so với năm trước. Nhìn chung, mô hình phát triển kinh tế thấp cacbon của Nhật Bản được thực hiện theo một số phương pháp sau:

- *Không ngừng hoàn thiện các quy định về tiết kiệm năng lượng.* “Luật Tiết kiệm năng lượng” (còn được gọi là “Luật Sử dụng năng lượng hợp lý”) của Nhật Bản có hiệu lực từ năm 1979, trải qua nhiều lần sửa đổi bổ sung, hiện đã được thực thi chủ yếu trong các nhà máy, giao thông, xây dựng, cơ khí - 4 lĩnh vực sử dụng năng lượng chính. Có đến 90% số doanh nghiệp trong nước của Nhật Bản đều là đối tượng chịu sự giới hạn của Luật. Năm 1998, Nhật Bản đã sửa đổi “Luật Tiết kiệm năng lượng”, bổ sung “cơ chế lãnh đạo”. Những sản phẩm đạt chỉ số hiệu quả năng lượng, “Người lãnh đạo” sẽ phải thiết lập tiêu chuẩn cao hơn, tiêu chuẩn này chỉ chiếm 70% trong lĩnh vực sản phẩm thiết bị gia dụng. Năm 2013, “cơ chế lãnh đạo” đã từng bước mở rộng vào lĩnh vực tường cách nhiệt, cửa kính... Ngoài ra, “Luật Thúc đẩy sử dụng tài nguyên tái chế”, “Luật Sử dụng vật liệu xây dựng tái chế”... các chính sách và quy định được thiết lập cũng từng bước thúc đẩy sự hình thành của hệ thống pháp luật tiết kiệm năng lượng của Nhật Bản.

- *Tiếp tục kiện toàn hệ thống quản lý tiết kiệm năng lượng.* Chính phủ Nhật Bản, các đoàn thể xã hội, các đơn vị sử dụng năng lượng hình thành hệ thống quản lý tiết kiệm năng lượng tương tác với nhau. Cơ quan chủ quản trung ương về tiết kiệm năng lượng (chủ yếu là METI) thực hiện các nhiệm vụ như: Xây dựng các chính sách, lập kế hoạch mục tiêu, thiết lập tiêu chuẩn, thụ lý báo cáo và thực hiện công tác thanh tra; các đoàn thể xã hội sẽ do đơn vị sử

dụng năng lượng cung cấp kỹ thuật và hỗ trợ tài chính, căn cứ theo ủy quyền của Chính phủ về công tác dịch vụ, tư vấn, đánh giá..., các đơn vị sử dụng năng lượng căn cứ theo yêu cầu của Chính phủ, định kỳ nộp báo cáo về tiết kiệm năng lượng, chủ động phát triển hoặc giới thiệu những công nghệ tiết kiệm năng lượng, triển khai các hoạt động tiết kiệm năng lượng ra công chúng...

- *Tích cực phát triển nguồn năng lượng tái tạo.* Vào tháng 7/2012, Chính phủ Nhật Bản bắt đầu thiết lập chính sách giá mua cố định nguồn tài nguyên tái tạo đối với thị trường sử dụng năng lượng, các công ty điện lực có nghĩa vụ tối ưu hóa việc sử dụng và cải thiện hạ tầng phát điện, điều chỉnh cơ cấu sản xuất năng lượng, từng bước tăng tỷ lệ nguồn năng lượng tái tạo. Sau khi hệ thống đi vào hoạt động, tổng công suất thiết bị phát nguồn năng lượng tái tạo của Nhật Bản đã tăng 32%, cơ cấu sản xuất năng lượng tái tạo cũng đã được cải thiện đáng kể, đến cuối năm 2014, nguồn năng lượng tái tạo của Nhật Bản chiếm 10,7% trong tổng sản lượng phát điện.

- *Quan tâm đến việc tuyên truyền, giáo dục tiết kiệm năng lượng cho toàn người dân.* Về phương diện giáo dục tại các trường học, nội dung bài học đầu tiên đối với học sinh tiểu học là nhận thức về việc phân loại rác thải, mục đích thiết lập khái niệm cơ bản về nền sinh thái tuần hoàn cho thế hệ trẻ; Về phương diện giáo dục xã hội, hầu hết trong thiết kế hệ thống dịch vụ công cộng của Nhật Bản đều có hướng dẫn về tiết kiệm năng lượng; đối với doanh nghiệp, những năm gần đây đã tích cực triển khai dự án tiết kiệm năng lượng CSR (trách nhiệm xã hội), vì người lao động trong doanh nghiệp, người tiêu dùng và công chúng, thiết lập giá trị cốt lõi “xây dựng xã hội phát triển bền vững” trong doanh nghiệp, đồng thời, đây cũng là một tiêu chí quan trọng để tăng khả năng cạnh tranh lâu dài cho doanh nghiệp. Có thể nói, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, cuộc sống thấp

cacbon... đã từng bước trở thành mục tiêu chung phải tuân thủ thực hiện của toàn xã hội Nhật Bản.

2. Kinh nghiệm thúc đẩy xây dựng đô thị thấp cacbon của Nhật Bản

Nhật Bản kiên trì tuân thủ theo nguyên tắc lấy con người làm gốc và hướng dẫn thông minh để thúc đẩy xây dựng đô thị thấp cacbon. Để thực hiện thành công mô hình phát triển thấp cacbon, yêu cầu phương thức sinh thái, năng lượng và hoạt động sản xuất của đô thị phải đồng bộ với nhau, thông qua công nghệ và phương pháp quản lý, đổi mới và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu khác nhau để tồn tại và phát triển. Hiện Nhật Bản đang thực hiện quán triệt tư tưởng này, các khái niệm về con người và hướng dẫn thông minh luôn được xem là khái niệm cơ bản và không ngừng thực hiện. Nhật Bản luôn kết hợp chặt chẽ giữa khái niệm phát triển thấp cacbon và xây dựng đô thị thông minh. Thông qua dữ liệu phân tích, lưới điện, năng lượng mới và vật liệu mới, mạng di động... và nhiều giải pháp công nghệ khác, để nâng cao việc sử dụng năng lượng và nguồn tài nguyên của đô thị, nâng cao trình độ quản lý kỹ thuật số. Đồng thời, Nhật Bản còn đưa kế hoạch phát triển các đô thị vừa và nhỏ vào trong “Kế hoạch phát triển các đô thị lớn”, để thúc đẩy các đô thị có quy mô khác nhau cùng xây dựng và phát triển.

Ngoài ra, Nhật Bản còn kết hợp nguồn lực tự nhiên vốn có với giai đoạn phát triển thực tế, lấy mục tiêu hiệu quả cao, tiết kiệm năng lượng làm phương hướng xây dựng hệ thống dịch vụ tương ứng và thực hiện hiện đại hóa đô thị. Thông qua sự phát triển của công nghệ Internet, Nhật Bản đã bước đầu xây dựng hệ thống giao thông thông minh tại các đô thị lớn, có thể cung cấp cho người tham gia giao thông tin về con đường tối ưu có thể tiết kiệm năng lượng và phương án lựa chọn phương tiện giao thông có liên quan, đồng thời, có phương án điều chỉnh kịp thời

phương thức giao thông khi có tình huống khẩn cấp. Ngoài ra, thông qua việc tăng cường xây dựng lưới điện thông minh, Nhật Bản đã thực hiện quản lý thông minh việc cung cấp năng lượng tại các khu vực đô thị lớn, thống kê kịp thời tình hình cung cấp năng lượng tại các tòa nhà, công trình, khu vực dân cư, sử dụng mô hình dữ liệu lớn để phân tích dữ liệu lịch sử, đưa ra những dự đoán chính xác hơn về nhu cầu năng lượng tương lai, từ đó sẽ đạt được hiệu quả cân bằng trong phạm vi nhất định, có thể giảm lượng lớn mức độ tiêu thụ năng lượng, thúc đẩy sự phát triển và sử dụng nguồn năng lượng mặt trời, năng lượng gió ... và nhiều năng lượng tái tạo khác.

Chính phủ Nhật Bản đã hỗ trợ trong việc xây dựng chính sách điều chỉnh cơ cấu ngành công nghiệp và đưa ra những chính sách có hiệu quả đối với thị trường để Nhật Bản có thể thực hiện tốt mô hình phát triển đô thị thấp cacbon.

Cuộc khủng hoảng năng lượng vào những năm 70 đã gây trở ngại nghiêm trọng cho quá trình phát triển kinh tế của Nhật Bản, sau thế chiến, giai đoạn tăng trưởng kinh tế cũng đi đến hồi kết. Do sự tăng mạnh của giá thành năng lượng và nhu cầu người tiêu dùng giảm xuống, dẫn đến tình trạng dư thừa năng lượng hoặc là tiêu thụ năng lượng cao, sự sống còn của nhiều doanh nghiệp cũng ngày càng trở nên khó khăn. Về vấn đề này, Chính phủ Nhật Bản bắt đầu tái điều chỉnh và quy hoạch cơ cấu ngành công nghiệp chủ chốt tại các đô thị, tập trung vào công nghệ năng lượng xanh để thay đổi bố cục ngành công nghiệp. Nước Nhật tập trung thực hiện nghiên cứu và phát triển nguồn năng lượng mới, giảm tiêu hao năng lượng như: Năng lượng mặt trời, gió, địa nhiệt, khí thiên nhiên... cùng với việc hỗ trợ các công nghệ tiết kiệm năng lượng mới như pin tích điện, pin nhiên liệu...

Đồng thời, Chính phủ Nhật Bản còn tăng cường các chính sách ngành công nghiệp đối với các lĩnh vực nêu trên, tăng cường tài trợ cho các doanh nghiệp trong việc phát triển công

nghe liên quan tới các lĩnh vực bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng, đã giúp các doanh nghiệp và ngành công nghiệp cốt lõi trong các đô thị nâng cao kiến thức và tăng cường cải thiện công nghệ.

Trong quá trình điều chỉnh cơ cấu ngành công nghiệp, Chính phủ Nhật Bản đã xây dựng một loạt các luật quy định liên quan tới kinh tế thấp cacbon như: “Luật Cơ bản về xây dựng xã hội thấp cacbon”, “Luật Năng lượng cơ bản”... đồng thời quan tâm tới hướng dẫn cơ chế thị trường, trong dự án xây dựng đô thị thấp

cacbon luôn nhấn mạnh việc phối hợp thực hiện xây dựng giữa Chính phủ, đơn vị nghiên cứu, trường đại học và giới công nghiệp.

Lý Ang, Thường Kỉ Văn

**Trung tâm nghiên cứu phát triển
Quốc Vụ viện Trung Quốc**

Nguồn: <http://jjsb.cet.com.cn> (Trang Thời báo kinh tế Trung Quốc bản điện tử ngày 4/7/2016)

ND: Bích Ngọc

Các nước phát triển xử lý tình trạng “rác thải bao vây đô thị” như thế nào?

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, lượng rác thải đô thị cũng tăng vọt lên đáng kể. Bằng cách nào để xử lý rác thải đô thị một cách hiệu quả, an toàn, đang là vấn đề quan trọng mà các đô thị phải đối mặt trong quá trình phát triển đô thị xanh. Mặc dù hầu hết các nước đều có chính sách thúc đẩy và nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường đối với người dân đô thị và nông thôn, việc xây dựng hạ tầng xử lý rác thải cũng không ngừng được hoàn thiện, phương pháp xử lý cũng ngày càng được thực hiện một cách khoa học hơn, tuy nhiên, hiện tượng “rác thải bao vây đô thị” vẫn là những bức xúc của nhiều đô thị. Trong thực tế, đối với nhiều quốc gia, xử lý rác thải vẫn là vấn đề hết sức nan giải.

1. Cộng hòa Liên bang Đức: Luật bảo vệ nền kinh tế tuần hoàn

Năm 1972, CHLB Đức đã xây dựng bộ luật đầu tiên liên quan tới vấn đề xử lý rác thải - “Luật Xử lý chất thải”, bộ luật này đã trải qua nhiều lần sửa đổi sau đó. Năm 1986, sau khi trải qua 4 lần sửa đổi, “Luật Xử lý chất thải” được ban hành đã yêu cầu thực hiện giảm chất thải, quản lý, phân loại và tái chế. Các quy định chính của Luật này là: Giảm thiểu phát sinh chất thải, bằng cách tiết kiệm và tái sử dụng

bao bì; biến chất thải thành nguyên vật liệu, nhiên liệu; thông qua việc cải tiến công nghệ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, nâng cao công tác quản lý và giảm mức độ nguy hại tới môi trường do chất thải gây ra.

Kể từ đó, Đức bắt đầu tập trung vào việc giảm lượng chất thải tại nguồn. Tháng 6/1991, “Điều lệ phân loại chất thải bao bì” được ban hành, quy định: Phải giảm thiểu phát sinh chất thải bao bì; do không thể tránh khỏi việc sử dụng loại bao bì dùng 1 lần, nên cần thiết phải thực hiện tái chế; từ việc hạn chế hoạt động sản xuất và kinh doanh bao bì, thực hiện mục đích giảm lượng rác thải bao bì.

Tháng 10/1996, Đức ban hành “Luật Xử lý chất thải và Luật Kinh tế tuần hoàn”, và lần đầu tiên đưa khái niệm kinh tế tuần hoàn vào trong hệ thống quản lý rác thải sinh hoạt, thay đổi khái niệm truyền thống về xử lý rác thải, thay đổi khái niệm về giá trị chất thải, cần thiết phải thực hiện giảm lượng rác thải và thu hồi tái chế. Luật này còn quy định “trách nhiệm của người sản xuất” và “trách nhiệm của xã hội”: Bắt buộc người sản xuất phải có trách nhiệm trong toàn bộ chu kỳ từ sản xuất đến khi sản phẩm của họ được người tiêu dùng thải ra. Trách nhiệm của người sản xuất sẽ bắt đầu từ khâu thiết kế và

sản xuất sản phẩm, bao gồm vận chuyển, tiêu thụ, dịch vụ sau tiêu thụ, cho đến thời gian tồn tại cuối cùng của sản phẩm và thực hiện xử lý chất thải. Đồng thời người tiêu dùng cũng phải tuân thủ theo quy định pháp luật mà thực hiện xử lý chất thải.

Sau khi Luật đi vào thực tiễn, nước Đức vẫn căn cứ vào tình hình khác nhau của các ngành công nghiệp, xây dựng các quy định thúc đẩy ngành công nghiệp phát triển kinh tế tuần hoàn, chẳng hạn như: “Quy định đặt cốc bao bì đồ uống”, “Quy định xử lý xe phế thải”, “Quy định xử lý gỗ thải”... để thúc đẩy phát triển nền kinh tế tuần hoàn.

2. Nhật Bản: Quản lý và kiểm soát chặt chẽ việc tiêu hủy chất thải

Nhật Bản là quốc gia đất chật người đông, diện tích lãnh thổ hạn hẹp... nên không thể thực hiện xử lý rác thải bằng phương pháp chôn lấp giống như các nước khác. Ở Nhật Bản, đốt là phương pháp chủ yếu trong xử lý rác thải. Trong những năm 1980, Nhật Bản là quốc gia đứng đầu thế giới về trình độ đốt rác, số lượng các nhà máy đốt rác chiếm 70% trên thế giới, hơn 1/3 chất thải rắn đô thị được Nhật Bản xử lý thông qua phương pháp đốt, nhưng việc làm này cũng dẫn đến nồng độ dioxin trong không khí vượt quá mức quy định cho phép. Điều này có thể được hiểu rằng, đốt ở nhiệt độ thấp là nguyên nhân chính gây phát thải dioxin, không chỉ gây ô nhiễm môi trường ở mức nhất định, mà còn ảnh hưởng rất lớn tới sức khỏe con người. Để giải quyết vấn đề môi trường do đốt chất thải. Chính phủ Nhật Bản đã phát động phong trào phân loại chất thải, đồng thời còn thực hiện biện pháp thu hồi và tái chế chất thải, từ đó số lượng các nhà máy đốt rác cũng bắt đầu giảm dần.

Rác thải sinh hoạt của Nhật thường được phân thành 2 loại: Rác thải dễ cháy và rác thải không cháy, khi những rác thải được đưa vào nhà máy đốt rác, về cơ bản là nhiệt trị trong rác thải dễ cháy sẽ cao. Trong bối cảnh này, phân loại thu hồi rác thải đã trở thành một khâu quan

trọng trong đốt rác. Do thực hiện nghiêm ngặt biện pháp phân loại, nên những chất thải như nhựa, hóa chất đã được loại trừ trước khi được chuyển đến những nhà máy đốt rác, như vậy có thể giảm đáng kể lượng khí thải độc hại thải ra môi trường.

Đồng thời, Chính phủ Nhật Bản còn thực hiện quản lý và kiểm soát đốt rác bằng biện pháp nghiêm ngặt nhất, chẳng hạn như: Duy trì nhiệt độ tiêu hủy đủ cao, thường nhiệt độ dao động trong khoảng từ 850°C đến 1.100°C. Thời gian khói tồn tại trong lò đốt là hơn 2 giây... sử dụng túi lọc bụi để ngăn cản tạp chất nhỏ nhất bay ra ngoài, như vậy có thể giảm đáng kể lượng phát thải dioxin. Do trong quá trình đốt rác sẽ tạo ra khói và hydro clorua, hợp chất lưu huỳnh, oxit nitơ... nhiều khí độc hại khác, nên người Nhật đã sử dụng thiết bị lọc khí thải và tháp phản ứng loại bỏ nitơ... đảm bảo thực hiện đúng theo quy định cho phép nồng độ phát thải dioxin không vượt quá 0,1 nanogram trên mỗi mét khối.

3. Hàn Quốc: Dựa trên số lượng rác thải để thu phí, hạn chế rác thải

Theo thống kê của Bộ Môi trường Hàn Quốc, từ năm 1980, lượng rác thải của Hàn Quốc bắt đầu tăng mạnh, năm 2005, rác thải thực phẩm lên tới 5,5 triệu tấn, lượng khí thải bình quân đầu người hàng năm là 187,2kg, năm 2009 là 390kg. Để giảm bớt nguy cơ “Rác thải bao vây đô thị”, bắt đầu từ năm 1986, Hàn Quốc đã ban hành “Luật Quản lý chất thải”, đến năm 2012, Luật này đã được điều chỉnh “dựa trên số lượng rác thải để thu phí”.

Trong thực tế, phương pháp quản lý “dựa trên số lượng rác thải để thu phí” của Hàn Quốc được triển khai từ năm 1994, thời gian đó, có 31 khu hành chính và huyện được đưa vào thí điểm thực hiện, năm 1995 phương pháp này được áp dụng trên cả nước. Hàn Quốc đã phân rác thải sinh hoạt ra làm 4 loại khác nhau, đồng thời sử dụng các loại túi màu khác nhau để thu hồi rác nếu người nào không tuân thủ, tiền phạt có thể

cao đến 1 triệu won, góp phần vào việc nâng cao ý thức tự giác của người dân trên cả nước, người tiêu dùng bắt đầu xem xét đến vấn đề xử lý bao bì khi mua hàng, doanh nghiệp cũng bắt đầu xem xét đến trọng lượng bao bì, giảm việc sản xuất những sản phẩm sử dụng 1 lần... Sau khi Luật này được thực thi, công tác xử lý rác thải của Hàn Quốc giảm 33 - 37%, năm 1995, lượng rác thải được thải ra hàng ngày bình quân đầu người là 2,3kg, năm 2006 là 0,95kg, đạt mức trung bình so với các nước phát triển.

Hiện nay, Hàn Quốc đã thực hiện thu phí rác thải sinh hoạt theo 3 cách: *Thứ nhất* là thông qua thẻ nhận dạng bằng tần số của sóng vô tuyến (RFID), người dân sử dụng thẻ này để mở thùng rác đặc chế và cho rác vào thùng. Hệ

thống sẽ tự động cân, sau đó ghi lại tài khoản của người tiêu dùng. Người dùng cần chuẩn bị một khoản tiền để thanh toán cho việc xả rác; *thứ hai* là trả tiền túi đựng rác, túi đặc chế để đựng rác sẽ có giá tiền tùy thuộc vào dung lượng của túi, ở Seoul, với loại túi đựng rác khoảng 10 lít, giá tiền sẽ là 190won; *thứ ba* là hệ thống quản lý mã vạch. Người dân có thể thả rác trực tiếp vào thùng, đồng thời mua một nhãn dán mã vạch trên thùng rác.

Tào Phương Siêu

Nguồn: <http://jjsb.cet.com.cn> (Trang Thời báo Kinh tế Trung Quốc ngày 20/5/2016)

ND: Bích Ngọc

HỘI NGHỊ THẨM ĐỊNH ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG KHU KINH TẾ ĐÔNG NAM TỈNH QUẢNG TRỊ

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2016



Thư trưởng Nguyễn Đình Toàn chủ trì Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị